

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch chi tiết năm thứ nhất thực hiện Dự án: Quản lý cảnh quan bền vững toàn diện thông qua các tiếp cận “địa bàn phát triển bền vững không gây mất rừng” tại Lâm đồng và Đắk Nông, Việt Nam (tỉnh Đắk Nông)**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Thông tư số 23/2022/TT-BTC ngày 06/4/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý tài chính nhà nước đối với nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1624/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt Văn kiện Dự án: Quản lý cảnh quan bền vững toàn diện thông qua các tiếp cận “địa bàn phát triển bền vững không gây mất rừng” tại Lâm Đồng và Đắk Nông, Việt Nam (tỉnh Đắk Nông);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 110/TTr-SNN ngày 22 tháng 7 năm 2022.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch chi tiết năm thứ nhất thực hiện Dự án: Quản lý cảnh quan bền vững toàn diện thông qua các tiếp cận “địa bàn phát triển bền vững không gây mất rừng” tại Lâm đồng và Đắk Nông, Việt Nam (tỉnh Đắk Nông).

(Chi tiết tại các Biểu 1, 2, 3, 4 đính kèm).

### **Điều 2. Kinh phí thực hiện**

1. Tổng kinh phí thực hiện Dự án (theo Quyết định số 1624/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông): 797.812 USD, tương đương 18.230.004.200 đồng (Quy đổi giá trị đồng USD sang đồng tiền Việt Nam áp



dụng tại thời điểm tháng 3/2022: 1 USD = 22.850 đồng, theo tỷ giá Liên hợp quốc xác định tại thời điểm ký Thỏa thuận thu (LOA) với Nhà tài trợ).

2. Tổng kinh phí thực hiện Dự án năm thứ nhất: 109.134 USD, tương đương 2.493.720.500 đồng, cơ cấu nguồn vốn như sau:

- Nguồn vốn ODA (hỗ trợ không hoàn lại): 95.130 USD, tương đương 2.173.720.500 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ, một trăm bảy ba triệu, bảy trăm hai mươi nghìn, năm trăm đồng).

- Nguồn vốn đối ứng của UBND tỉnh Đắk Nông: 14.004 USD tương đương 320.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm hai mươi triệu đồng); bố trí từ nguồn sự nghiệp (Quyết định số 2222/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND tỉnh về việc giao dự toán Nhà nước năm 2022).

**Điều 3.** Thời gian thực hiện Dự án tổng thể: 4 năm kể từ ngày phê duyệt Kế hoạch này (không tính thời gian quyết toán Dự án).

**Điều 4.** Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Ban quản lý dự án UNDP tỉnh Đắk Nông), UBND các huyện: Đắk Glong, Đắk R'lấp phối hợp với Nhà tài trợ, các Sở, ngành, đơn vị liên quan triển khai, thực hiện theo Kế hoạch được phê duyệt, đảm bảo chất lượng, tiến độ và thời gian. Định kỳ báo cáo UBND tỉnh về kết quả thực hiện và những khó khăn vướng mắc để kịp thời tháo gỡ, điều chỉnh Kế hoạch cho phù hợp với tiến độ dự án.

Giao các Sở, ngành, đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai, thực hiện Kế hoạch được phê duyệt tại Quyết định này.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT, NNTNMT(Thị).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Trọng Yên**



**BIỂU 1: KẾ HOẠCH TỔNG THỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN UNDP - TỈNH ĐẮK NÔNG***(giai đoạn 4 năm kể từ ngày phê duyệt kế hoạch, chưa bao gồm thời gian quyết toán)**(Kèm theo Quyết định số 1266 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)**(Quy đổi theo tỷ giá tháng 3/2022: 22.850)*

STT	KẾT QUẢ ĐÀU RA VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG THEO VĂN KIỆN DỰ ÁN	Tổng nguồn vốn (VNĐ)	Nguồn vốn đối ứng (VNĐ)			Nguồn vốn ODA (VNĐ)	GHI CHÚ
			Tổng vốn đối ứng	Đối ứng bằng tiền	Đối ứng song song của các chương trình/hoạt động của tỉnh tại hiện trường		
(1)	(2)	(3=4+7)	(4=5+6)	(5)	(6)	(7)	(8)
	<b>Giai đoạn chuẩn bị khởi động (3 tháng đầu)</b>						
Kết quả 1	Hệ thống quản trị hiệu quả bao gồm các công cụ và quy trình quản lý và quy hoạch sử dụng đất tích hợp được thiết lập ở cấp huyện và tỉnh	8.172.165.400	0	0	0	8.172.165.400	
Đầu ra 1.1	Một quy hoạch sử dụng đất tích hợp, phù hợp với Quy hoạch cấp tỉnh, được lập cho từng huyện thí điểm, với các bản đồ, mục tiêu và kế hoạch hành động rõ ràng theo hướng bền vững và không gây mất rừng.	5.138.370.900	0	0	0	5.138.370.900	
1.1a	Tuyển dụng 02 cán bộ hỗ trợ tại tỉnh để điều phối hầu hết các kết quả với sự chú trọng đặc biệt và trực tiếp thực hiện các hoạt động theo kết quả 1.	3.286.926.800	0	0	0	3.286.926.800	
1.1b	Thiết lập kênh đối thoại chính thức và có qui chế hoạt động (ai tham gia, về nội dung gì, khi nào, và vận hành ra sao) để điều phối các nỗ lực lập quy hoạch/kế hoạch cấp huyện, bao gồm trao đổi với cấp tỉnh và huy động cấp xã tham gia, chính thức hóa thông qua một Biên bản ghi nhớ (MoU)	80.500.550	0	0	0	80.500.550	
1.1c	Xây dựng qui trình và phương pháp lập quy hoạch sử dụng đất tích hợp, theo không gian cho từng huyện, xác định mục tiêu và nguyên tắc, lồng ghép các ưu tiên môi trường xã hội, xác định các dữ liệu còn thiếu, làm rõ cách tiếp cận thu thập dữ liệu và các chiến dịch tham vấn, xác định các bước chính để tham vấn, đàm phán và thông qua. Soạn thảo cuốn sổ tay hướng dẫn và khái quát hóa quy trình lập quy hoạch và cập nhật vào cuối quá trình để phản ánh các bài học từ dự án	107.326.450	0	0	0	107.326.450	
1.1d	Tại mỗi huyện, chuẩn bị và thực hiện qui trình quy hoạch sử dụng đất tích hợp với các nhiệm vụ: i) tập huấn các nhóm nông cốt về hướng dẫn quy hoạch; ii) làm rõ các dữ liệu/phân tích còn thiếu và phát triển kế hoạch thực hiện để hỗ trợ quy hoạch sử dụng đất tích hợp; iii) xác định ưu tiên thu thập dữ liệu, xây dựng bản đồ, tiến hành phân tích (bao gồm sử dụng đất, rừng, các yếu tố môi trường và xã hội); iv) hỗ trợ tham vấn và nâng cao năng lực, bao gồm cả hỗ trợ cấp xã và cộng đồng địa phương.	1.073.310.200	0	0	0	1.073.310.200	

1.1e	Xây dựng bộ Công cụ hỗ trợ số 1 – Bản đồ sử dụng đất cho cây trồng cụ thể: Xây dựng bản đồ sử dụng đất cho từng huyện với thông tin chính xác về phân bố cây trồng chính ngay thời điểm bắt đầu và kết thúc dự án. Công cụ này sử dụng ảnh viễn thám có độ phân giải cao và công nghệ máy học (deep learning) và cách tiếp cận có sự tham gia. Các bản đồ cũng sẽ hỗ trợ lập kế hoạch triển khai các hoạt động (Đầu ra 1.1) và giám sát đánh giá (Đầu ra 1.2).	107.326.450	0	0	0	107.326.450
1.1f	Xây dựng bộ Công cụ hỗ trợ số 2: Thử nghiệm sử dụng công cụ nhà quy hoạch sử dụng đất tại 01 huyện thí điểm, nơi có dữ liệu đầy đủ nhất. Với sự tham gia của các bên liên quan, tiến hành các phân tích về lợi ích chi phí để đánh giá tác động kinh tế-xã hội-môi trường của các quyết định quy hoạch lựa chọn (bao gồm tác động đối với việc làm, an ninh lương thực, mất rừng và sinh khối carbon, chia sẻ lợi ích, đa dạng sinh học, lao động và hiệu suất sử dụng đất) nhằm thông tin đầy đủ cho tiến trình đàm phán và quyết định.	107.326.450	0	0	0	107.326.450
1.1g	Tiến hành quá trình quy hoạch sử dụng đất có sự tham gia ở từng huyện, bao gồm các buổi đối thoại ở các xã, với các công cụ hỗ trợ như bản đồ, dữ liệu, cấu trúc các chỉ số bền vững liên quan trong Đầu ra 1.2; hoàn thiện các quy hoạch sử dụng đất bao gồm các mục tiêu tham vọng và định lượng về phát triển bền vững không mất rừng, phù hợp với phê duyệt chính thức và sự phối hợp của UBND tỉnh để thông báo về việc thực hiện Quy hoạch cấp tỉnh.	375.654.000	0	0	0	375.654.000
<b>Đầu ra 1.2</b>	<b>Việc thực thi các Quy hoạch cấp tỉnh tại Đắk Nông được đẩy mạnh nhờ hỗ trợ của dự án trong việc thiết lập và thực hiện một hệ thống giám sát đánh giá tích hợp không gian và liên ngành mạnh mẽ được sử dụng như công cụ theo dõi diễn tiến chuyển dịch theo hướng cảnh quan bền vững.</b>	<b>804.982.650</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>804.982.650</b>
1.2a	Tiến hành tham vấn chuyên gia và các bên liên quan về đề xuất bộ chỉ số tích hợp cấp tỉnh và huyện nhằm giám sát tiến trình dịch chuyển theo hướng cảnh quan bền vững trong một khung giám sát đánh giá tổng hợp. Đánh giá khoảng trống và soạn thảo kế hoạch liên quan. Rà soát các thông tin sẵn có về giám sát sử dụng đất bền vững ở cấp địa bàn và các cách tiếp cận đo đếm sự bền vững của một địa bàn, thông qua nghiên cứu so sánh các kinh nghiệm thí điểm cụ thể, hệ thống giám sát đánh giá chương trình REDD+ cấp tỉnh, các bản quy hoạch cấp tỉnh Đắk Nông, các bản quy hoạch sử dụng đất của các huyện thí điểm và các yêu cầu cụ thể của VPA FLEGT.	187.827.000	0	0	0	187.827.000
1.2b	Thảo luận, cải thiện và thể chế hóa các mục tiêu, khoảng trống và các kế hoạch liên quan với cấp tỉnh và huyện. Thành lập cơ chế chính thức từ UBND tỉnh trợ giúp tiến trình giám sát thực hiện Quy hoạch tích hợp cấp tỉnh và cơ chế tương tự cấp huyện trong giám sát quy hoạch sử dụng đất cấp huyện theo cách quản lý tiến trình chuyển dịch theo hướng bền vững.	107.326.450	0	0	0	107.326.450
1.2c	Xây dựng qui chế thu thập và trao đổi dữ liệu, nền tảng dữ liệu chung, và thỏa thuận với các cơ quan liên quan để đảm bảo việc tiếp cận dễ dàng đến các chỉ số địa bàn bền vững và các phương pháp tính toán cần bản liên quan (nền tảng dữ liệu chung cho tất cả các huyện thí điểm).	161.001.100	0	0	0	161.001.100
1.2d	Vận hành hệ thống tại tỉnh Đắk Nông và 02 huyện thí điểm (i) đảm bảo thực thi các qui chế thu thập thông tin và vận hành suôn sẻ nền tảng dữ liệu chung, (ii) chiết xuất báo cáo và phân tích hàng năm, hỗ trợ các cấp chính quyền giám sát thực thi Quy hoạch cấp tỉnh và các quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và (iv) từng bước cải thiện hệ thống.	348.828.100	0	0	0	348.828.100
<b>Đầu ra 1.3</b>	<b>Các diễn đàn đối thoại giữa các bên liên quan được thiết lập (i) giữa các cơ quan có thẩm quyền và khu vực tư nhân tại cấp huyện, (ii) trong từng chuỗi cung ứng hàng hóa, (iii) trong các ngành hàng lâm sản ngoài gỗ được thiết lập và hỗ trợ</b>	<b>1.234.379.850</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1.234.379.850</b>



1.3a	Thiết lập (nếu phù hợp) và hỗ trợ các diễn đàn công-tư điều phối cảnh quan trên địa bàn từng huyện thí điểm, với sự tham gia của đại diện các diễn đàn ngành hàng chính và các bên liên quan khác dưới sự chủ trì của lãnh đạo UBND huyện. Thiết lập cơ chế và tổ chức diễn đàn chính thức khi cần thiết. Thông qua các diễn đàn này, (i) hình thành các thỏa thuận PPI (nơi chưa có), giám sát quá trình thực hiện chung, và đề xuất cải thiện liên quan, (ii) đề xuất với các bên nhằm cải thiện hiệu quả thực thi, (iii) rà soát việc thực thi của từng đối tác và cam kết tương ứng, (iv) thảo luận các vấn đề phát sinh trong quá trình chuyển dịch bền vững rộng hơn và các khuyến nghị đối với các cơ quan công quyền về việc thực hiện bản kế hoạch sử dụng đất tích hợp và các quy hoạch tổng thể (Đầu ra 1.1), và các tiêu chuẩn địa bàn bền vững (Đầu ra 1.2), (v) thảo luận và khuyến nghị đối với các qui định.	482.957.600	0	0	0	482.957.600
1.3b	Chính thức thiết lập và hỗ trợ vận hành 04 diễn đàn ngành hàng bao gồm cà phê, tiêu và cao su.	483.049.000	0	0	0	483.049.000
1.3c	Thiết lập diễn đàn hoặc mạng lưới đối tác (các cơ quan liên quan cấp tỉnh, huyện và xã thí điểm, các chuyên gia, đơn vị nghiên cứu, các doanh nghiệp, NGOs, nhóm hộ...) để tham vấn thường xuyên và (i) xây dựng các tiêu chuẩn bền vững cho lâm sản ngoài gỗ và dịch vụ từ rừng (ii) khuyến nghị để phát triển ngành, (iii) chỉ đạo chung, thu thập dữ liệu và thông tin thể hiện tiến độ dịch chuyển theo hướng cảnh quan bền vững. Dựa trên những buổi trao đổi này để xây dựng và phổ biến kiến thức và thực hiện vận động chính sách tích cực.	268.373.250	0	0	0	268.373.250
<b>Đầu ra 1.4</b>	<b>Các tiêu chuẩn ngành hàng bền vững và không gây mất rừng (bao gồm cả lâm sản ngoài gỗ) được các bên liên quan thông qua và được hỗ trợ bởi các qui định.</b>	<b>268.259.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>268.259.000</b>
1.4a	Xây dựng bốn tiêu chuẩn bền vững không gây mất rừng dựa vào các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế đang có, cho cà phê, tiêu, cao su, hạt điều để thực hiện ở các huyện thí điểm. □ Với việc tạo thuận lợi cho các diễn đàn và các nhóm bên liên quan dọc theo chuỗi giá trị (trong mối liên hệ chặt chẽ với các diễn đàn ngành hàng quốc gia, nếu liên quan), hoạt động này nhằm: (i) rà soát các tiêu chuẩn liên quan đến phát triển bền vững không gây mất rừng (có thể liên quan đến một ngành hàng cụ thể hoặc chung, ở các cấp khác nhau kể cả quốc tế), (ii) soạn thảo các tiêu chuẩn phản ánh Khung giám sát đánh giá bền vững, (iii) dự thảo kế hoạch triển khai các tiêu chuẩn ở các huyện thí điểm, đánh giá các điều kiện khả thi về kinh tế và cơ hội triển khai toàn diện (từ tiếp cận tự nguyện đến bắt buộc), (iv) huy động sự tham gia của các bên liên quan để tạo động lực và cam kết áp dụng, (v) hoàn thiện tiêu chuẩn và thông qua chính thức bởi các bên liên quan (chính quyền, doanh nghiệp) với kế hoạch triển khai rõ ràng, (vi) phổ biến các tiêu chuẩn này theo các kênh truyền thông phù hợp, kể cả các tài liệu tập huấn của ngành ở cấp quốc gia, (v) xây dựng các qui định liên quan (ví dụ: chỉ dẫn địa lý, nếu liên quan).	160.864.000	0	0	0	160.864.000
1.4b	Dự thảo tiêu chuẩn bền vững cho từng loại mô hình thí điểm lâm sản ngoài gỗ và dịch vụ từ rừng, bao gồm các khâu như rà soát lại các tiêu chuẩn đã có, phân tích trình độ sản xuất, các tiêu chuẩn kỹ thuật và qui trình triển khai. Với sự vào cuộc của mạng lưới đối tác lâm sản ngoài gỗ và dịch vụ từ rừng, tổ chức thảo luận các tiêu chuẩn này và từng bước cải thiện; thiết lập các cơ chế đăng ký, hệ thống giám sát đánh giá và truy xuất nguồn gốc để hướng dẫn và kiểm soát các khâu trong chuỗi (từ ươm giống, chuẩn bị trồng, đến giám sát, quản lý rủi ro, thu hái, chế biến và tiếp thị...). Đảm bảo có sự thông qua chính thức của các cấp liên quan để cho phép nhân rộng hiệu quả sau dự án.	107.395.000	0	0	0	107.395.000
<b>Đầu ra 1.5</b>	<b>Khung cảnh báo sớm, minh bạch và toàn diện hỗ trợ việc thực thi các quy định về môi trường và truy xuất nguồn gốc của chuỗi giá trị hàng hóa được xây dựng và thử nghiệm tại 2 huyện thí điểm.</b>	<b>726.173.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>726.173.000</b>
1.5a	Đưa ra cảnh báo mất rừng và suy thoái rừng theo định kỳ 2 tuần/lần tại 2 huyện thí điểm, sử dụng ứng dụng hệ thống Terra-i có độ phân giải 10m (Sentinel).	672.475.500	0	0	0	672.475.500

1.5b	Thúc đẩy các giải pháp quản lý sử dụng đất và quản trị rừng thông qua thu thập dữ liệu hiện trường từ dưới lên.	53.697.500	0	0	0	53.697.500
1.5c	Dựa trên hoạt động 1.5a và 1.5b, phát triển một gói giải pháp toàn diện và khuyến nghị đẩy mạnh quản lý đất và quản trị rừng tại địa phương với sự kết hợp các giải pháp dữ liệu từ trên xuống và từ dưới lên, và thể chế hóa giải pháp tối ưu nhất. Quá trình này bao gồm (i) tổ chức đối thoại, chia sẻ kinh nghiệm với các dự án khác tại VN, (ii) xây dựng đề xuất triển khai, nhân rộng và thể chế hóa các giải pháp đã thông qua và (iii) trao đổi với các bên liên quan ở cấp quốc gia và các nhà ra quyết định về các khuyến nghị, giải pháp, lộ trình để nhân rộng các thực hành tốt, bao gồm cả hệ thống Terra-i và các cấu trúc hệ thống truy xuất nguồn gốc hàng hóa	0	0	0	0	0
1.6	Phối hợp với dự án do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm cơ quan chủ quản để sử dụng Dịch vụ Hỗ trợ Kỹ thuật Trực tiếp do UNDP cung cấp	0	0	0	0	0
<b>Kết quả 2</b>	<b>Các thực hành tiêu chuẩn hóa sản xuất bền vững, thông minh với khí hậu, được thực hiện trong sản xuất nông nghiệp và lâm sản ngoài gỗ và các dịch vụ từ rừng</b>	<b>6.862.586.200</b>	<b>4.662.222.600</b>	<b>0</b>	<b>4.662.222.600</b>	<b>2.200.363.600</b>
<b>Đầu ra 2.1</b>	<b>Hầu hết các can thiệp có triển vọng cho phát triển nông nghiệp bền vững và lâm sản ngoài gỗ &amp; dịch vụ từ rừng được ưu tiên và phát triển bao gồm các hướng dẫn kỹ thuật và đánh giá kinh tế</b>	<b>295.199.150</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>295.199.150</b>
2.1b	Tổng hợp thông tin và phân loại nông hộ, hệ thống canh tác và các vùng sinh thái nông nghiệp (AEZ) tại 2 huyện thí điểm: Căn cứ vào kết quả tham vấn và ý kiến chuyên gia trong Hoạt động 1.1d, bản đồ hóa các khu vực trồng cây hàng hóa chính, khu vực nông nghiệp tự cung tự cấp, lâm sản ngoài gỗ và dịch vụ từ rừng tại 2 huyện thí điểm, xác định cơ hội, các sức ép cụ thể, rủi ro, mức độ thiệt hại liên quan đến các yếu tố môi trường, kinh tế và xã hội (từ diện tích và tình trạng đất đai, đặc điểm nguồn nhân lực, các cây trồng chính, mức độ sử dụng chất hóa học, các thực hành nông nghiệp sinh thái, tác động biến đổi khí hậu, tiếp cận thị trường, các cơ hội và nguy cơ cụ thể). Hoạt động này bao gồm công việc rà soát các phát hiện và khuyến nghị từ cho phát triển lâm sản ngoài gỗ và dịch vụ từ rừng tại 02 huyện, làm rõ các nội dung Quyết định số 13-2017 và Kết luận số 97-KL/TW năm 2014 về đóng cửa rừng và kiểm soát chặt chẽ lâm sản ngoài gỗ cũng như khả năng xây dựng tiêu chuẩn lâm sản ngoài gỗ trong rừng tự nhiên.	134.175.200	0	0	0	134.175.200
2.1c	Xếp loại ưu tiên các mô hình thí điểm dựa vào tiềm năng tác động trong việc tăng cường khả năng thích ứng, thu nhập cho nông dân và tính đa lợi ích trong giảm thiểu tác động biến đổi khí hậu. Kiểm chứng các ưu tiên với chính quyền địa phương và các bên liên quan khác thông qua các hội thảo cấp tỉnh và huyện. Cuối cùng, lựa chọn từ 6 đến 12 mô hình can thiệp dành cho từ 3-4 loại hộ nông dân trong (i) Hệ thống canh tác cây công nghiệp, (ii) các giải pháp nông nghiệp sinh thái cho các cộng đồng dân tộc thiểu số, phụ nữ và (iii) hệ thống sản xuất lâm sản ngoài gỗ.	107.326.450	0	0	0	107.326.450
2.1d	Đối với mỗi mô hình ưu tiên, tiến hành phân tích sâu về kinh tế và xây dựng các hướng dẫn kỹ thuật. Thảo luận và trình bày các kết quả với chính quyền địa phương và các bên liên quan. Chuẩn bị các tài liệu thân thiện với từng đối tượng (nông dân, doanh nghiệp thu mua, nhà đầu tư...) cho các mô hình ưu tiên (VD: tài liệu về cơ hội đầu tư...).	53.697.500	0	0	0	53.697.500
<b>Đầu ra 2.2</b>	<b>Các thể chế tại địa phương và nông dân sẽ được đào tạo và nâng cao nhận thức về các mô hình sản xuất bền vững ưu tiên</b>	<b>831.854.250</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>831.854.250</b>

2.2a	Xây dựng tài liệu tập huấn và đào tạo nông dân tại các vùng thí điểm xác định trong Hoạt động 2.3a và các nội dung khác liên quan (đất, nước, quản lý hóa chất, rủi ro biến đổi khí hậu, qui hoạch cảnh quan, thực hành và mô hình cây hàng hóa cụ thể, nông lâm kết hợp, mô hình nông nghiệp sinh thái và hữu cơ, mô hình lâm sản ngoài gỗ, tổ chức nông dân, tiếp cận thị trường, quản lý thông tin và tính đa lợi ích...); Phổ biến tài liệu tập huấn rộng rãi đến các chương trình đào tạo liên quan của ngành ở cấp quốc gia nhằm nhân rộng trong các chương trình nông nghiệp và phát triển nông thôn của khu vực nhà nước và doanh nghiệp; thiết lập danh mục tổng hợp các tập huấn hỗ trợ bởi các tổ chức khác và cung cấp tập huấn cho tập huấn viên; đồng tài trợ tập huấn ở 02 huyện thí điểm.	456.177.400	0	0	0	456.177.400	
2.2b	Nâng cao nhận thức và tăng cường động lực phát triển mô hình nông nghiệp sinh thái thông qua (i) chiến dịch truyền thông và vận động chính sách cho nông nghiệp sinh thái; (ii) hướng dẫn đối thoại giữa các đối tác công tư cấp tỉnh về nông nghiệp sinh thái nhằm tích lũy kinh nghiệm và từng bước cải thiện mô hình nông nghiệp sinh thái, hỗ trợ kỹ thuật và giải pháp thực thi tại hiện trường, tiếp thị sản phẩm (tài chính, bảo hiểm, hợp đồng thu mua...); và (iii) hỗ trợ các sở ban ngành cấp tỉnh xây dựng kế hoạch hành động và đề xuất chính sách để nhân rộng mô hình nông nghiệp sinh thái trong các trụ cột chính nhằm quản lý cảnh quan nông thôn bền vững.	375.676.850	0	0	0	375.676.850	
<b>Đầu ra 2.3</b>	<b>Tiến trình chuyển đổi theo hướng thực hành bền vững tại hiện trường được hỗ trợ về kỹ thuật và tài chính</b>	<b>5.735.532.800</b>	<b>4.662.222.600</b>	<b>0</b>	<b>4.662.222.600</b>	<b>1.073.310.200</b>	
2.3a	Phối hợp với Dự án do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm cơ quan chủ quản thông qua điều phối của UNDP để thực hiện: Xác định, phân loại và kiểm chứng tại hiện trường cho các khu vực thí điểm dựa vào kết quả quy hoạch sử dụng đất (theo Đầu ra 1.1), các mô hình kinh doanh và lộ trình nhân rộng (Đầu ra 3.2). Tổ chức tham vấn và hội thảo với chính quyền địa phương và các bên liên quan để kiểm chứng các khu vực thí điểm, chú ý gắn kết với chương trình “mỗi xã một sản phẩm - OCOP” trong Chương trình Nông thôn Mới.	299.357.850	165.182.650	0	165.182.650	134.175.200	
2.3b	Phối hợp với Dự án do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm cơ quan chủ quản thông qua điều phối của UNDP để thực hiện: Hỗ trợ nông dân thực hiện sản xuất cây hoa màu một cách bền vững. Hỗ trợ các khâu kỹ thuật, tổ chức, vật tư cho các khu vực thí điểm đã xác định trong Hoạt động 2.1f (và hỗ trợ kỹ thuật –tổ chức bên ngoài khu vực thí điểm trên) để thực hiện các thực hành sản xuất tốt (bao gồm hỗ trợ tiến trình xây dựng tầm nhìn chung, lập kế hoạch xây dựng cảnh quan mẫu, kiểm tra chất lượng đất, giống cho nông lâm kết hợp và trồng xen, công trình tưới và vật tư, phân rờ ranh giới đất, vành đai xanh và quyền sở hữu đất).	325.246.900	325.246.900	0	325.246.900	0	
2.3c	Phối hợp với Dự án do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm cơ quan chủ quản thông qua điều phối của UNDP để thực hiện: Hỗ trợ các cộng đồng dân tộc thiểu số, phụ nữ thực hiện các mô hình nông nghiệp sinh thái. Trong các mô hình thí điểm xác định ở HĐ 2.1f, tiến hành tham vấn và nâng cao năng lực, lựa chọn hộ nông dân tình nguyện, hỗ trợ họ thiết kế và thực hiện nông nghiệp sinh thái trên diện tích đất nông nghiệp của họ, giám sát và đánh giá kết quả.	3.355.751.000	2.886.183.500	0	2.886.183.500	469.567.500	
2.3d	Phối hợp với Dự án do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm cơ quan chủ quản thông qua điều phối của UNDP để thực hiện: Hỗ trợ các cộng đồng dân tộc thiểu số, phụ nữ thực hiện các mô hình lâm sản ngoài gỗ và dịch vụ từ rừng. Tại các khu vực thí điểm xác định trong hoạt động 2.1f, hỗ trợ nâng cao năng lực cho các cộng đồng khó khăn; xây dựng kế hoạch, ngân sách quản lý cấp cộng đồng; hỗ trợ kỹ thuật; cung cấp vật tư và các loại hình hỗ trợ khác nếu cần cho từng bên (các hộ gia đình tự nguyện thí điểm, tổ chức tài chính, VNFF, các công ty thu mua, chế biến, ...)	1.755.177.050	1.285.609.550	0	1.285.609.550	469.567.500	

Kết quả 3	Môi trường tài chính được cải thiện với các sáng kiến tăng nguồn đầu tư và cải thiện quan hệ đối tác nhằm xúc tiến chuyển đổi theo hướng cảnh quan bền vững, tập trung ở cấp tỉnh và huyện.	992.923.900	0	0	0	992.923.900
Đầu ra 3.1	Dòng tài chính công và tư nhân cho sử dụng đất được hệ thống hóa và lồng ghép hỗ trợ các mục tiêu sử dụng đất bền vững và giảm thiểu biến đổi khí hậu.	241.547.350	0	0	0	241.547.350
3.1a	Xây dựng ToR cho hoạt động hệ thống thường trực cấp tỉnh (Đắk Nông) để theo dõi và phân tích các nguồn tài chính công-tư liên quan đến sử dụng đất bền vững và biến đổi khí hậu, dựa trên hoạt động tương tự được EFI hỗ trợ năm 2016-2017 tại Tây Nguyên. ToR sẽ làm rõ kết quả mong đợi, phương pháp, dữ liệu yêu cầu, qui trình thu thập, tiếp cận, xử lý dữ liệu một cách liên tục, cũng như các sắp xếp thể chế và các qui trình phân tích và đối thoại liên ngành. ToR sẽ cần trình UBND tỉnh Đắk Nông thông qua trước khi thiết lập hệ thống.	40.238.850	0	0	0	40.238.850
3.1b	Xây dựng hệ thống: Thu thập dữ liệu, thông qua biểu mẫu thông tin và các qui chế chia sẻ thông tin với các cơ quan liên quan tại các cấp, thiết kế cơ sở dữ liệu, phân loại thông tin thống nhất với các nội dung Kết quả 1; xây dựng cẩm nang vận hành và đào tạo các chuyên gia cấp tỉnh để vận hành và quản lý hệ thống. Đóng góp dữ liệu liên quan cho Hệ thống giám sát đánh giá tổng thể tiến độ dịch chuyển theo hướng cảnh quan bền vững (Đầu ra 1.2). Tiến hành giám sát hệ thống hàng năm và phân tích các nguồn tài chính. Trích xuất từ hệ thống Báo cáo hàng năm với các phát hiện và khuyến nghị.	93.913.500	0	0	0	93.913.500
3.1c	Dựa trên các báo cáo hàng năm về dòng đầu tư cho sử dụng đất và biến đổi khí hậu tại Đắk Nông, tiến hành hỗ trợ đối thoại liên ngành về qui hoạch sử dụng đất tích hợp (Đầu ra 1.1) và chiến dịch vận động chính sách giúp cho các dòng đầu tư công-tư vào tỉnh đóng góp tốt hơn cho các chỉ tiêu bền vững trên địa bàn về môi trường, sản xuất và ứng phó biến đổi khí hậu, đặc biệt đầu tư công trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn. Hỗ trợ kỹ thuật giúp cho chủ các dự án nghiên cứu và thử nghiệm cách thức hiệu quả để lồng ghép tốt hơn nguồn lực dự án của họ vào các mục tiêu chuyển dịch theo hướng địa bàn bền vững không mất rừng.	107.395.000	0	0	0	107.395.000
Đầu ra 3.2	Các đề án kinh doanh được xây dựng và thỏa thuận hợp tác được ký kết với các công ty quốc tế và trong nước để đảm bảo tiêu thụ sản phẩm không gây mất rừng, bao gồm cả lâm sản ngoài gỗ và dịch vụ từ rừng	214.698.600	0	0	0	214.698.600
3.2a	Xây dựng các mô hình kinh doanh khả thi để khẳng định tính kinh tế và cơ hội kinh doanh cho ít nhất 03 mô hình bền vững của cây hàng hóa và lâm sản ngoài gỗ và dịch vụ từ rừng (gắn với HĐ 2.1b và 2.1d). Hoạt động này bao gồm thu thập và phân tích thêm thông tin, đánh giá tiềm năng kinh tế của mô hình bền vững cấp nông hộ và cấp cảnh quan, có tính đến các khía cạnh như sản xuất tại thực địa, năng lực và khả năng hỗ trợ kỹ thuật, các công cụ đảm bảo tính bền vững của chuỗi như truy xuất nguồn gốc, tiêu chuẩn, đăng ký và hệ thống quản lý thông tin.	26.848.750	0	0	0	26.848.750



3.2b	Đánh giá ảnh hưởng chi phí đa quy mô của việc chuyển đổi mô hình theo hướng bền vững ở cấp nông trại và cấp chuỗi cung ứng, và đánh giá toàn diện về nhu cầu vốn tăng thêm cũng như khoản đầu tư thiếu hụt để thực hiện chuyển đổi toàn bộ 03 ngành hàng đã được lựa chọn ra toàn bộ chuỗi liên quan trên địa bàn tỉnh, Đắk Nông, tập trung phân tích sâu và chính xác cho 2 huyện thí điểm Đồng thời, tham vấn với khu vực doanh nghiệp và cơ quan hành chính để rà soát nguồn tài chính hiện có, định lượng khoản thiếu hụt và yêu cầu và xem xét tiềm năng huy động phù hợp nhất và cơ chế tài chính.	26.848.750	0	0	0	26.848.750
3.2c	Phổ biến các phát hiện của các đánh giá trong hoạt động 3.1a và 3.1b đến các doanh nghiệp trong các ngành hàng nông nghiệp chính, lâm sản ngoài gỗ và dịch vụ từ rừng (các đơn vị thu mua, nhà bán lẻ trong nước và quốc tế, nhà máy chế biến, hợp tác xã, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hoặc đầu vào...). Thu hút sự tham gia của các doanh nghiệp, đánh giá rủi ro đối tác, đàm phán, ký kết và thực thi các thỏa thuận MoU, trong đó có bao gồm các mục tiêu chung, nguồn lực cam kết, các hoạt động chính và cách thức giám sát. Hoạt động này giúp hỗ trợ kỹ thuật cho doanh nghiệp điều chỉnh chiến lược phù hợp với các tiêu chí cho vay của ngân hàng.	161.001.100	0	0	0	161.001.100
<b>Đầu ra 3.3</b>	<b>Phối hợp với dự án do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm cơ quan chủ quản: Xây dựng mô hình tài chính điển hình thu hút ngành tài chính và bảo hiểm; thu hút các định chế tài chính trong nước, quốc tế, các đối tác tiềm năng khác nhằm cung cấp nguồn tài chính bổ sung hoặc các giải pháp bảo hiểm cho một số cây hàng hóa chính, lâm sản ngoài gỗ và các dịch vụ từ rừng thông qua các cuộc họp song phương.</b>	0	0	0	0	0
3.3a	Phối hợp với dự án do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm cơ quan chủ quản: Xây dựng mô hình tài chính điển hình thu hút ngành tài chính và bảo hiểm, thông qua phân tích và định lượng qui mô thị trường vốn trong phạm vi đề xuất, VD: trình bày số lượng dự án có thể đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của ngân hàng về hồ sơ rủi ro, lợi nhuận, qui mô dự án, các lợi ích về xã hội và môi trường...Đồng thời, phân tích các cản trở trong đầu tư và huy động tài chính, và thực hiện phân tích kinh tế vĩ mô nhằm giúp ngân hàng nhận biết được tiềm năng thị trường trong tương lai.	0	0	0	0	0
3.3b	Phối hợp với dự án do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm cơ quan chủ quản: Thu hút các định chế tài chính trong nước, quốc tế, và các đối tác tiềm năng khác trong các công cụ tài chính hỗn hợp và chia sẻ rủi ro, thông qua các cuộc họp song phương để phổ biến các phát hiện và kết quả đánh giá trong Hoạt động 3.2a và nhận định các cơ hội tiềm năng. Tiến hành đánh giá rủi ro đối tác, đàm phán, ký kết và thực thi các thỏa thuận MoU, trong đó có bao gồm các mục tiêu chung, nguồn lực cam kết, các hoạt động chính và cách thức giám sát.	0	0	0	0	0
<b>Đầu ra 3.4</b>	<b>Các sáng kiến Chi trả dịch vụ môi trường rừng hiệu quả và mang tính đột phá được nghiên cứu, thử nghiệm và triển khai ở 2 huyện thí điểm nhằm tạo ra nguồn tài chính bổ sung và tăng cường các lợi ích môi trường và xã hội.</b>	536.677.950	0	0	0	536.677.950
3.4a	Rà soát các thách thức và cơ hội để mở rộng và cải thiện Chi trả dịch vụ môi trường rừng, với cách tiếp cận chiến lược hơn trong việc sử dụng Chi trả dịch vụ môi trường rừng (ít nhất là phần doanh thu tăng thêm của Chi trả dịch vụ môi trường rừng) như một công cụ đồng tài trợ để thúc đẩy phát triển các chuỗi ngành hàng nông nghiệp và lâm nghiệp bền vững và có lợi nhuận. Hoạt động này cần sự chấp thuận của VNFF và UBND tỉnh Đắk Nông; rà soát các phân tích, quyết định và các mô hình đã thí điểm, hỗ trợ đối thoại phối hợp giữa các bên liên quan (bao gồm Bộ TC, Bộ KHĐT, Bộ TN&MT...) ở cấp trung ương và cấp tỉnh; và có thể soạn thảo và thông qua cơ chế thử nghiệm ở các huyện thí điểm hoặc nhân rộng ở cấp cao hơn.	40.238.850	0	0	0	40.238.850

3.4b	Thiết kế mô hình thí điểm, bao gồm cấu trúc tổng thể, qui trình chi tiết, cách thức vận hành, hướng dẫn kỹ thuật và sắp xếp thể chế; thiết kế các phương pháp hạch toán trong thu và phân bổ nguồn lực, thu hút bên sử dụng dịch vụ, truyền thông cho người hưởng lợi tiềm năng, thiết kế hệ thống giám sát đánh giá... Việc thiết kế và vận hành hệ thống giám sát đánh giá sẽ dựa trên hệ thống giám sát đánh giá về tiến trình chuyên dịch theo hướng bền vững mở rộng (Đầu ra 1.2), kết nối với hệ thống giám sát đầu tư công (Đầu ra 3.4), nhằm cho phép đánh giá tác động kinh tế-xã hội-môi trường và các yếu tố hấp dẫn các bên đồng tài trợ khác một cách thường xuyên. Mục tiêu sẽ được xác định cùng với lượng vốn và hỗ trợ trực tiếp cho các hoạt động hiện trường ở Kết quả 2	53.697.500	0	0	0	53.697.500
3.4c	Thực hiện mô hình Chi trả dịch vụ môi trường rừng thí điểm ở cấp phù hợp (ít nhất trên 01 huyện). Hỗ trợ kỹ thuật và tập huấn VNFF ở cấp liên quan để vận hành thí điểm và hệ thống giám sát đánh giá. Đánh giá tác động định kỳ và truyền thông về kết quả đánh giá để từng bước tăng động lực cải thiện và nhân rộng.	442.741.600	0	0	0	442.741.600
3.5	Phối hợp với dự án do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm cơ quan chủ quản để sử dụng Dịch vụ Hỗ trợ Kỹ thuật Trực tiếp do UNDP cung cấp.	0	0	0	0	0
Kết quả 4	Tính bền vững và khả năng nhân rộng của dự án được đảm bảo thông qua nỗ lực điều phối mạnh mẽ, giám sát đánh giá, tài liệu hóa và chia sẻ tri thức, truyền thông và vận động chính sách cấp vùng và cấp quốc gia	2.202.328.700	1.260.063.250	1.260.063.250	0	942.265.450
Đầu ra 4.1	Dự án được thực hiện có hiệu quả, đảm bảo các tiêu chuẩn an toàn và đạt được các mục tiêu nhờ năng lực mạnh mẽ trong điều phối, hỗ trợ, giám sát và đánh giá hoạt động và hiệu quả dự án (có chú trọng yếu tố giới) ở cấp trung ương và cấp tỉnh, với sự tham gia của các thể chế phù hợp	2.040.893.450	1.260.063.250	1.260.063.250	0	780.830.200
4.1a	Trang thiết bị (từ nguồn vốn ODA). Vốn đối ứng chi trả cho hoạt động của Ban quản lý Dự án tại tỉnh Đắk Nông (nguồn sự nghiệp).	1.370.086.000	1.260.063.250	1.260.063.250	0	110.022.750
4.1b	Thiết lập và điều phối các cơ quan liên quan, các công cụ và vận hành đảm bảo điều phối hiệu quả, theo dõi, giám sát và đánh giá dự án, bao gồm việc thành lập các cơ quan điều phối chính và hỗ trợ hoạt động của họ, hỗ trợ trực tiếp cho Văn phòng Ban Chỉ đạo Chương trình phát triển Lâm nghiệp bền vững (SSCO REDD+)	536.700.800			0	536.700.800
4.1c	Thúc đẩy lồng ghép tiến trình chuyển dịch theo hướng bền vững ở các địa bàn phù hợp với khung Đảm bảo An toàn (ĐBAT) trong REDD+ Việt Nam, hướng đến các kết quả môi trường và xã hội bền vững lâu dài. Hoạt động này gồm các công việc: i) Điều phối với Hoạt động 1.1b và 1.1c đảm bảo phương pháp và kế hoạch thực hiện qui hoạch sử dụng đất phù hợp với cách tiếp cận trong Khung ĐBAT (VD: có đánh giá tác động tiềm năng, lợi ích, rủi ro...); ii) Rà soát các tiêu chuẩn ngành hàng cao su và cà phê (1.4a) để xác định nội dung liên quan đến giải quyết và tôn trọng các biện pháp đảm bảo an toàn; iii) Xây dựng năng lực cho cấp huyện và tỉnh trong việc vận hành thí điểm hướng dẫn ở tỉnh khác; iv) Điều phối với Khung giám sát đánh giá chung cho tiến trình chuyển dịch theo hướng cảnh quan bền vững (1.2), với việc xác định các thông tin/chỉ số liên quan ĐBAT trong khung chung và các hệ thống giám sát đánh giá liên quan; v) Cải thiện Hệ thống Thông tin ĐBAT Giai đoạn 1 của Việt Nam để lồng ghép thông tin từ sáng kiến không gây mất rừng.	134.106.650			0	134.106.650
Đầu ra 4.2	Tăng cường mạng lưới kỹ thuật của các tổ chức hàng đầu ở nhiều cấp và xác định phương pháp quản lý bền vững tổng hợp và cách tiếp cận không mất rừng, lập thành văn bản và xác nhận ở cấp quốc gia, và được áp dụng dần dần thông qua các chính sách, luật và quy định.	161.435.250	0	0	0	161.435.250

4.2a	Phối hợp với UNDP xây dựng các sản phẩm tri thức và truyền thông, bao gồm các phim tư liệu, tài liệu về các khía cạnh cụ thể trong cách tiếp cận quản lý cảnh quan bền vững tích hợp (tiêu chuẩn, chỉ dẫn địa lý, giám sát theo thời gian thực, truy xuất nguồn gốc, quản lý dữ liệu địa phương, nông nghiệp sinh thái, nông-lâm kết hợp, giám sát dựa vào cộng đồng, các công cụ tài chính, kiến thức bản địa và các mô hình kinh doanh ...). Hỗ trợ các đối tác và các bên liên quan chia sẻ kinh nghiệm và các phát hiện ở trong nước và quốc tế.	0	0	0	0	0
4.2b	Hỗ trợ các cơ quan chính phủ liên quan (Văn phòng Ban Chỉ đạo Chương trình phát triển Lâm nghiệp bền vững và REDD+ -SSCO, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Kế hoạch và Đầu tư...) và chính quyền cấp tỉnh trao đổi và xây dựng quan hệ đối tác để hoàn thiện và đẩy mạnh thực thi tiếp cận theo hướng địa bản phát triển bền vững không mất rừng ở Đắk Nông, và nhân rộng trong khu vực.	80.546.250	0	0	0	80.546.250
4.2c	Xây dựng các Bản tin khuyến nghị chính sách để tổng hợp các kết quả, bài học kinh nghiệm, đề xuất hướng tiếp theo nhằm nhân rộng mô hình quản lý cảnh quan bền vững và tiếp cận địa bản bền vững không mất rừng. Phổ biến các phát hiện và khuyến nghị thông qua các diễn đàn/sự kiện địa phương và trung ương, bao gồm cả hội thảo kết thúc dự án	80.889.000	0	0	0	80.889.000
4.2d	Phối hợp với dự án do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm cơ quan chủ quản để thực hiện nội dung Cung cấp hỗ trợ chính sách dựa trên các giải pháp đã thử nghiệm và tạo nền móng cho quản lý cảnh quan bền vững và phương pháp tiếp cận theo hướng địa bản bền vững không mất rừng tại Việt Nam được đưa vào các chính sách và văn bản pháp luật liên quan.	0	0	0	0	0
<b>TỔNG CỘNG (VNĐ)</b> (Quy đổi theo tỷ giá LHQ tháng 3/2022: 22.850 VNĐ)		<b>18.230.004.200</b>	<b>5.922.285.850</b>	<b>1.260.063.250</b>	<b>4.662.222.600</b>	<b>12.307.718.350</b>
<b>Giá trị USD tương ứng</b>		<b>797.812</b>	<b>259.181</b>	<b>55.145</b>	<b>204.036</b>	<b>538.631</b>

**Ghi chú:** (5) Đối ứng bằng tiền từ nguồn sự nghiệp, chi cho hoạt động Ban quản lý Dự án; Đối ứng bằng hiện vật bao gồm cơ sở vật chất và tài sản sẵn có và nhân sự (nếu cần) huy động để hỗ trợ các hoạt động của dự án.

(6) Đối ứng song song của các chương trình/hoạt động của tỉnh tại hiện trường (chi tiết tại Biểu 2).

2/

**BIỂU 2: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỰ ÁN UNDP - TỈNH ĐẮK NÔNG**

*(Kèm theo Quyết định số 1266 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)*

STT	ĐẦU RA DỰ KIẾN & CÁC HOẠT ĐỘNG THEO KẾ HOẠCH	Tiến độ thực hiện dự kiến				NỘI DUNG THỰC HIỆN
		Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư	
<b>Kết quả 1: Hệ thống quản trị hiệu quả bao gồm các công cụ và quy trình quản lý và quy hoạch sử dụng đất tích hợp được thiết lập ở cấp huyện và tỉnh</b>						
<b>Đầu ra 1.1: Một quy hoạch sử dụng đất tích hợp, phù hợp với Quy hoạch cấp tỉnh, được lập cho từng huyện thí điểm, với các bản đồ, mục tiêu và kế hoạch hành động rõ ràng theo hướng bền vững và không gây mất rừng.</b>						
1.1a	Tuyển dụng 02 cán bộ hỗ trợ tại tỉnh để điều phối hầu hết các kết quả với sự chú trọng đặc biệt và trực tiếp thực hiện các hoạt động theo kết quả 1.					Tuyển 02 Chuyên gia kỹ thuật
1.1b	Thiết lập kênh đối thoại chính thức và có qui chế hoạt động (ai tham gia, về nội dung gì, khi nào, và vận hành ra sao) để điều phối các nỗ lực lập quy hoạch/kế hoạch cấp huyện, bao gồm trao đổi với cấp tỉnh và huy động cấp xã tham gia, chính thức hóa thông qua một Biên bản ghi nhớ (MoU)					Họp tư vấn về quy trình lập kế hoạch ở cấp tỉnh/huyện
1.1c	Xây dựng qui trình và phương pháp lập quy hoạch sử dụng đất tích hợp, theo không gian cho từng huyện, xác định mục tiêu và nguyên tắc, lồng ghép các ưu tiên môi trường xã hội, xác định các dữ liệu còn thiếu, làm rõ cách tiếp cận thu thập dữ liệu và các chiến dịch tham vấn, xác định các bước chính để tham vấn, đàm phán và thông qua. Soạn thảo cuốn sổ tay hướng dẫn và khái quát hóa quy trình lập quy hoạch và cập nhật vào cuối quá trình để phản ánh các bài học từ dự án					Hội thảo tham vấn cấp tỉnh/huyện về phương pháp và công cụ lập kế hoạch Chuyển giao cho Đắk Nông
1.1d	Tại mỗi huyện, chuẩn bị và thực hiện qui trình quy hoạch sử dụng đất tích hợp với các nhiệm vụ: i) tập huấn các nhóm nông cốt về hướng dẫn quy hoạch; ii) làm rõ các dữ liệu/phân tích còn thiếu và phát triển kế hoạch thực hiện để hỗ trợ quy hoạch sử dụng đất tích hợp; iii) xác định ưu tiên thu thập dữ liệu, xây dựng bản đồ, tiến hành phân tích (bao gồm sử dụng đất, rừng, các yếu tố môi trường và xã hội); vi) hỗ trợ tham vấn và nâng cao năng lực, bao gồm cả hỗ trợ cấp xã và cộng đồng địa phương.					UBND 2 huyện Đắk Glong và Đắk R'lấp, UBND các xã phối hợp việc tập huấn, họp tham vấn cấp tỉnh, huyện về thu thập dữ liệu
1.1e	Xây dựng bộ Công cụ hỗ trợ số 1 – Bản đồ sử dụng đất cho cây trồng cụ thể: Xây dựng bản đồ sử dụng đất cho từng huyện với thông tin chính xác về phân bố cây trồng chính ngay thời điểm bắt đầu và kết thúc dự án. Công cụ này sử dụng ảnh viễn thám có độ phân giải cao và công nghệ máy học (deep learning) và cách tiếp cận có sự tham gia. Các bản đồ cũng sẽ hỗ trợ lập kế hoạch triển khai các hoạt động (Đầu ra 1.1) và giám sát đánh giá (Đầu ra 1.2).					Họp tham vấn cấp tỉnh/huyện

1.1f	Xây dựng bộ Công cụ hỗ trợ số 2: Thử nghiệm sử dụng công cụ nhà quy hoạch sử dụng đất tại 01 huyện thí điểm, nơi có dữ liệu đầy đủ nhất. Với sự tham gia của các bên liên quan, tiến hành các phân tích về lợi ích chi phí để đánh giá tác động kinh tế-xã hội-môi trường của các quyết định quy hoạch lựa chọn (bao gồm tác động đối với việc làm, an ninh lương thực, mất rừng và sinh khối các bon, chia sẻ lợi ích, đa dạng sinh học, lao động và hiệu suất sử dụng đất) nhằm thông tin đầy đủ cho tiến trình đàm phán và quyết định.				Đi lại, Hội thảo về quy hoạch sử dụng đất
1.1g	Tiến hành quá trình quy hoạch sử dụng đất có sự tham gia ở từng huyện, bao gồm các buổi đối thoại ở các xã, với các công cụ hỗ trợ như bản đồ, dữ liệu, cấu trúc các chỉ số bền vững liên quan trong Đầu ra 1.2; hoàn thiện các quy hoạch sử dụng đất bao gồm các mục tiêu tham vọng và định lượng về phát triển bền vững không mất rừng, phù hợp với phê duyệt chính thức và sự phối hợp của UBND tỉnh để thông báo về việc thực hiện Quy hoạch cấp tỉnh.				Đi lại, Hội thảo lấy ý kiến tại 02 huyện để hoàn thiện kế hoạch sử dụng đất.
<b>Đầu ra 1.2: Việc thực thi các Quy hoạch cấp tỉnh tại Đăk Nông được đẩy mạnh nhờ hỗ trợ của dự án trong việc thiết lập và thực hiện một hệ thống giám sát đánh giá tích hợp không gian và liên ngành mạnh mẽ được sử dụng như công cụ theo dõi diễn tiến chuyển dịch theo hướng cảnh quan bền vững.</b>					
1.2a	Tiến hành tham vấn chuyên gia và các bên liên quan về đề xuất bộ chỉ số tích hợp cấp tỉnh và huyện nhằm giám sát tiến trình dịch chuyển theo hướng cảnh quan bền vững trong một khung giám sát đánh giá tổng hợp. Đánh giá khoảng trống và soạn thảo kế hoạch liên quan. Rà soát các thông tin sẵn có về giám sát sử dụng đất bền vững ở cấp địa bàn và các cách tiếp cận đo đếm sự bền vững của một địa bàn, thông qua nghiên cứu so sánh các kinh nghiệm thí điểm cụ thể, hệ thống giám sát đánh giá chương trình REDD+ cấp tỉnh, các bản quy hoạch cấp tỉnh Đăk Nông, các bản quy hoạch sử dụng đất của các huyện thí điểm và các yêu cầu cụ thể của VPA FLEGT.				Đi lại, Hội thảo cấp tỉnh về các tiêu chí bền vững.
1.2b	Thảo luận, cải thiện và thể chế hóa các mục tiêu, khoảng trống và các kế hoạch liên quan với cấp tỉnh và huyện. Thành lập cơ chế chính thức từ UBND tỉnh trợ giúp tiến trình giám sát thực hiện Quy hoạch tích hợp cấp tỉnh và cơ chế tương tự cấp huyện trong giám sát quy hoạch sử dụng đất cấp huyện theo cách quản lý tiến trình chuyển dịch theo hướng bền vững.				Đi lại, Hội thảo tham vấn cấp tỉnh về khung giám sát đánh giá cho các quy hoạch tổng thể cấp tỉnh.
1.2c	Xây dựng qui chế thu thập và trao đổi dữ liệu, nền tảng dữ liệu chung, và thỏa thuận với các cơ quan liên quan để đảm bảo việc tiếp cận dễ dàng đến các chỉ số địa bàn bền vững và các phương pháp tính toán căn bản liên quan (nền tảng dữ liệu chung cho tất cả các huyện thí điểm).				Các cuộc họp tham vấn ở cấp tỉnh về các quy trình tạo dữ liệu để theo dõi các chỉ số bền vững
1.2d	Vận hành hệ thống tại tỉnh Đăk Nông và 02 huyện thí điểm (i) đảm bảo thực thi các qui chế thu thập thông tin và vận hành suôn sẻ nền tảng dữ liệu chung, (ii) chiết xuất báo cáo và phân tích hàng năm, hỗ trợ các cấp chính quyền giám sát thực thi Quy hoạch cấp tỉnh và các quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và (iv) từng bước cải thiện hệ thống.				Tập huấn/Hội thảo cấp tỉnh
<b>Đầu ra 1.3: Các diễn đàn đối thoại giữa các bên liên quan được thiết lập (i) giữa các cơ quan có thẩm quyền và khu vực tư nhân tại cấp huyện, (ii) trong từng chuỗi cung ứng hàng hóa, (iii) trong các ngành hàng lâm sản ngoài gỗ được thiết lập và hỗ trợ</b>					

1.3a	Thiết lập (nếu phù hợp) và hỗ trợ các diễn đàn công-tư điều phối cảnh quan trên địa bàn từng huyện thí điểm, với sự tham gia của đại diện các diễn đàn ngành hàng chính và các bên liên quan khác dưới sự chủ trì của lãnh đạo UBND huyện. Thiết lập cơ chế và tổ chức diễn đàn chính thức khi cần thiết. Thông qua các diễn đàn này, (i) hình thành các thỏa thuận PPI (nơi chưa có), giám sát quá trình thực hiện chung, và đề xuất cải thiện liên quan, (ii) đề xuất với các bên nhằm cải thiện hiệu quả thực thi, (iii) rà soát việc thực thi của từng đối tác và cam kết tương ứng, (iv) thảo luận các vấn đề phát sinh trong quá trình chuyển dịch bền vững rộng hơn và các khuyến nghị đối với các cơ quan công quyền về việc thực hiện bản kế hoạch sử dụng đất tích hợp và các quy hoạch tổng thể (Đầu ra 1.1), và các tiêu chuẩn địa bàn bền vững (Đầu ra 1.2), (v) thảo luận và khuyến nghị đối với các quy định.					Đi lại và Đào tạo/hội thảo ở cấp huyện
1.3b	Chính thức thiết lập và hỗ trợ vận hành 04 diễn đàn ngành hàng bao gồm cả phê, tiêu và cao su.					Tập huấn/hội thảo cấp huyện
1.3c	Thiết lập diễn đàn hoặc mạng lưới đối tác (các cơ quan liên quan cấp tỉnh, huyện và xã thí điểm, các chuyên gia, đơn vị nghiên cứu, các doanh nghiệp, NGOs, nhóm hộ...) để tham vấn thường xuyên và (i) xây dựng các tiêu chuẩn bền vững cho lâm sản ngoài gỗ và dịch vụ từ rừng (ii) khuyến nghị để phát triển ngành, (iii) chi đạo chung, thu thập dữ liệu và thông tin thể hiện tiến độ dịch chuyển theo hướng cảnh quan bền vững. Dựa trên những buổi trao đổi này để xây dựng và phổ biến kiến thức và thực hiện vận động chính sách tích cực.					Các cuộc họp và tham vấn Mạng lưới đối tác ở cấp huyện (2 huyện)

**Đầu ra 1.4: Các tiêu chuẩn ngành hàng bền vững và không gây mất rừng (bao gồm cả lâm sản ngoài gỗ) được các bên liên quan thông qua và được hỗ trợ bởi các quy định.**

1.4a	Xây dựng bốn tiêu chuẩn bền vững không gây mất rừng dựa vào các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế đang có, cho cả phê, tiêu, cao su, hạt điều để thực hiện ở các huyện thí điểm. □ Với việc tạo thuận lợi cho các diễn đàn và các nhóm bên liên quan dọc theo chuỗi giá trị (trong mỗi liên hệ chặt chẽ với các diễn đàn ngành hàng quốc gia, nếu liên quan), hoạt động này nhằm: (i) rà soát các tiêu chuẩn liên quan đến phát triển bền vững không gây mất rừng (có thể liên quan đến một ngành hàng cụ thể hoặc chung, ở các cấp khác nhau kể cả quốc tế), (ii) soạn thảo các tiêu chuẩn phản ánh Khung giám sát đánh giá bền vững, (iii) dự thảo kế hoạch triển khai các tiêu chuẩn ở các huyện thí điểm, đánh giá các điều kiện khả thi về kinh tế và cơ hội triển khai toàn diện (từ tiếp cận tự nguyện đến bắt buộc), (iv) huy động sự tham gia của các bên liên quan để tạo động lực và cam kết áp dụng, (v) hoàn thiện tiêu chuẩn và thông qua chính thức bởi các bên liên quan (chính quyền, doanh nghiệp) với kế hoạch triển khai rõ ràng, (vi) phổ biến các tiêu chuẩn này theo các kênh truyền thông phù hợp, kể cả các tài liệu tập huấn của ngành ở cấp quốc gia, (v) xây dựng các quy định liên quan (ví dụ: chỉ dẫn địa lý, nếu liên quan).					Họp/hội thảo tham vấn cấp huyện về các tiêu chuẩn bền vững cho các mặt hàng chủ đạo
1.4b	Dự thảo tiêu chuẩn bền vững cho từng loại mô hình thí điểm lâm sản ngoài gỗ và dịch vụ từ rừng, bao gồm các khâu như rà soát lại các tiêu chuẩn đã có, phân tích trình độ SX, các tiêu chuẩn kỹ thuật và qui trình triển khai. Với sự vào cuộc của mạng lưới đối tác lâm sản ngoài gỗ và dịch vụ từ rừng, tổ chức thảo luận các tiêu chuẩn này và từng bước cải thiện; thiết lập các cơ chế đăng ký, hệ thống giám sát đánh giá và truy xuất nguồn gốc để hướng dẫn và kiểm soát các khâu trong chuỗi (từ ươm giống, chuẩn bị trồng, đến giám sát, quản lý rủi ro, thu hái, chế biến và tiếp thị...). Đảm bảo có sự thông qua chính thức của các cấp liên quan để cho phép nhân rộng hiệu quả sau dự án.					Các cuộc họp/hội thảo tham vấn ở cấp huyện về các tiêu chuẩn bền vững đối với lâm sản ngoài gỗ

**Đầu ra 1.5: Khung cảnh báo sớm, minh bạch và toàn diện hỗ trợ việc thực thi các quy định về môi trường và truy xuất nguồn gốc của chuỗi giá trị hàng hóa được xây dựng và thử nghiệm tại 2 huyện thí điểm.**

1.5a	Đưa ra cảnh báo mất rừng và suy thoái rừng theo định kỳ 2 tuần/lần tại 2 huyện thí điểm, sử dụng ứng dụng hệ thống Terra-i có độ phân giải 10m (Sentinel).				Họp tập huấn/tham vấn ở cấp huyện
1.5b	Thúc đẩy các giải pháp quản lý sử dụng đất và quản trị rừng thông qua thu thập dữ liệu hiện trường từ dưới lên.				Các cuộc họp phổ biến thông tin, truyền thông ở cấp huyện
1.5c	Dựa trên hoạt động 1.5a và 1.5b, phát triển một gói giải pháp toàn diện và khuyến nghị đẩy mạnh quản lý đất và quản trị rừng tại địa phương với sự kết hợp các giải pháp dữ liệu từ trên xuống và từ dưới lên, và thể chế hóa giải pháp tối ưu nhất. Quá trình này bao gồm (i) tổ chức đối thoại, chia sẻ kinh nghiệm với các dự án khác tại Việt Nam, (ii) xây dựng đề xuất triển khai, nhân rộng và thể chế hóa các giải pháp đã thông qua và (iii) trao đổi với các bên liên quan ở cấp quốc gia và các nhà ra quyết định về các khuyến nghị, giải pháp, lộ trình để nhân rộng các thực hành tốt, bao gồm cả hệ thống Terra-i và các cấu trúc hệ thống truy xuất nguồn gốc hàng hóa				Phối hợp với dự án do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm cơ quan chủ quản và Nhà tài trợ
1.6	Phối hợp với dự án do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm cơ quan chủ quản để sử dụng Dịch vụ Hỗ trợ Kỹ thuật Trực tiếp do UNDP cung cấp				Phối hợp với dự án do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm cơ quan chủ quản và Nhà tài trợ

**Kết quả 2: Các thực hành tiêu chuẩn hóa sản xuất bền vững, thông minh với khí hậu, được thực hiện trong sản xuất nông nghiệp và lâm sản ngoài gỗ và các dịch vụ từ rừng**

**Đầu ra 2.1: Hầu hết các can thiệp có triển vọng cho phát triển nông nghiệp bền vững và lâm sản ngoài gỗ & dịch vụ từ rừng được ưu tiên và phát triển bao gồm các hướng dẫn kỹ thuật và đánh giá kinh tế**

2.1b	Tổng hợp thông tin và phân loại nông hộ, hệ thống canh tác và các vùng sinh thái nông nghiệp (AEZ) tại 2 huyện thí điểm: Căn cứ vào kết quả tham vấn và ý kiến chuyên gia trong Hoạt động 1.1d, bản đồ hóa các khu vực trồng cây hàng hóa chính, khu vực nông nghiệp tự cung tự cấp, lâm sản ngoài gỗ và dịch vụ từ rừng tại 2 huyện thí điểm, xác định cơ hội, các sức ép cụ thể, rủi ro, mức độ thiệt hại liên quan đến các yếu tố môi trường, kinh tế và xã hội (từ diện tích và tình trạng đất đai, đặc điểm nguồn nhân lực, các cây trồng chính, mức độ sử dụng chất hóa học, các thực hành nông nghiệp sinh thái, tác động biến đổi khí hậu, tiếp cận thị trường, các cơ hội và nguy cơ cụ thể). Hoạt động này bao gồm công việc rà soát các phát hiện và khuyến nghị từ cho phát triển lâm sản ngoài gỗ và dịch vụ từ rừng tại 02 huyện, làm rõ các nội dung Quyết định số 13-2017 và Kết luận số 97-KL/TW năm 2014 về đóng cửa rừng và kiểm soát chặt chẽ lâm sản ngoài gỗ cũng như khả năng xây dựng tiêu chuẩn lâm sản ngoài gỗ trong rừng tự nhiên.				Họp tham vấn cấp tỉnh/huyện
------	--	--	--	--	-----------------------------

2

10/2023

2.1c	Xếp loại ưu tiên các mô hình thí điểm dựa vào tiềm năng tác động trong việc tăng cường khả năng thích ứng, thu nhập cho nông dân và tính đa lợi ích trong giảm thiểu tác động biến đổi khí hậu. Kiểm chứng các ưu tiên với chính quyền địa phương và các bên liên quan khác thông qua các hội thảo cấp tỉnh và huyện. Cuối cùng, lựa chọn từ 6 đến 12 mô hình can thiệp dành cho từ 3-4 loại hộ nông dân trong (i) Hệ thống canh tác cây công nghiệp, (ii) các giải pháp nông nghiệp sinh thái cho các cộng đồng dân tộc thiểu số, phụ nữ và (iii) hệ thống sản xuất lâm sản ngoài gỗ.					Họp tham vấn cấp tỉnh/huyện; Vốn đối ứng song song được sử dụng gắn kết với: Chương trình “mỗi xã một sản phẩm - OCOP” trong Chương trình Nông thôn Mới; Dự án Phát triển hạ tầng chuỗi giá trị nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu; Dự án giảm phát thải khí nhà kính tại khu vực Tây Nguyên, duyên hải Nam Trung bộ Việt Nam tại Đắk Nông.
2.1d	Đối với mỗi mô hình ưu tiên, tiến hành phân tích sâu về kinh tế và xây dựng các hướng dẫn kỹ thuật. Thảo luận và trình bày các kết quả với chính quyền địa phương và các bên liên quan. Chuẩn bị các tài liệu thân thiện với từng đối tượng (nông dân, doanh nghiệp thu mua, nhà đầu tư...) cho các mô hình ưu tiên (VD: tài liệu về cơ hội đầu tư...).					Họp tham vấn cấp tỉnh/huyện
2.1e	Phối hợp với Dự án của Bộ Nông nghiệp và PTNT: 04 mô hình nông nghiệp sinh thái phù hợp với các địa bàn thí điểm được thực nghiệm và giám sát một cách khoa học tại hiện trường. Xây dựng điều khoản tham chiếu và tiến hành một nghiên cứu ưu tiên nhằm cải thiện mô hình nông nghiệp sinh thái trên địa bàn, thiết lập quan hệ đối tác với các chuyên gia, tổ chức để nghiên cứu và báo cáo kết quả nghiên cứu					Phối hợp với dự án do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm cơ quan chủ quản và Nhà tài trợ
<b>Đầu ra 2.2: Các thể chế tại địa phương và nông dân sẽ được đào tạo và nâng cao nhận thức về các mô hình sản xuất bền vững ưu tiên</b>						
2.2a	Xây dựng tài liệu tập huấn và đào tạo nông dân tại các vùng thí điểm xác định trong Hoạt động 2.3a và các nội dung khác liên quan (đất, nước, quản lý hóa chất, rủi ro biến đổi khí hậu, qui hoạch cảnh quan, thực hành và mô hình cây hàng hóa cụ thể, nông lâm kết hợp, mô hình nông nghiệp sinh thái và hữu cơ, mô hình lâm sản ngoài gỗ, tổ chức nông dân, tiếp cận thị trường, quản lý thông tin và tính đa lợi ích...); Phổ biến tài liệu tập huấn rộng rãi đến các chương trình đào tạo liên quan của ngành ở cấp quốc gia nhằm nhân rộng trong các chương trình nông nghiệp và phát triển nông thôn của khu vực nhà nước và doanh nghiệp; thiết lập danh mục tổng hợp các tập huấn hỗ trợ bởi các tổ chức khác và cung cấp tập huấn cho tập huấn viên; đồng tài trợ tập huấn ở 02 huyện thí điểm.					Họp tham vấn cấp tỉnh/huyện



2.2b	<p>Nâng cao nhận thức và tăng cường động lực phát triển mô hình nông nghiệp sinh thái thông qua (i) chiến dịch truyền thông và vận động chính sách cho nông nghiệp sinh thái; (ii) hướng dẫn đổi mới giữa các đối tác công tư cấp tỉnh về nông nghiệp sinh thái nhằm tích lũy kinh nghiệm và từng bước cải thiện mô hình nông nghiệp sinh thái, hỗ trợ kỹ thuật và giải pháp thực thi tại hiện trường, tiếp thị sản phẩm (tài chính, bảo hiểm, hợp đồng thu mua...); và (iii) hỗ trợ các sở ban ngành cấp tỉnh xây dựng kế hoạch hành động và đề xuất chính sách để nhân rộng mô hình nông nghiệp sinh thái trong các trụ cột chính nhằm quản lý cảnh quan nông thôn bền vững.</p>					<p>Đi lại và họp tư vấn ở cấp tỉnh và cấp huyện.  Vốn đối ứng song song được sử dụng gắn kết với: Chương trình “mỗi xã một sản phẩm - OCOP” trong Chương trình Nông thôn Mới; từ nguồn phân bổ các chương trình/dự án đầu tư sản xuất bền vững những ngành hàng như cà phê, cao su, hồ tiêu; Dự án Phát triển hạ tầng chuỗi giá trị nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu; Dự án giảm phát thải khí nhà kính tại khu vực Tây Nguyên, duyên hải Nam Trung bộ Việt Nam tại Đắk Nông</p>
------	--	--	--	--	--	---

**Đầu ra 2.3: Tiến trình chuyển đổi theo hướng thực hành bền vững tại hiện trường được hỗ trợ về kỹ thuật và tài chính**

2.3a	<p>Phối hợp với Dự án do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm cơ quan chủ quản thông qua điều phối của UNDP để thực hiện: Xác định, phân loại và kiểm chứng tại hiện trường cho các khu vực thí điểm dựa vào kết quả quy hoạch sử dụng đất (theo Đầu ra 1.1), các mô hình kinh doanh và lộ trình nhân rộng (Đầu ra 3.2). Tổ chức tham vấn và hội thảo với chính quyền địa phương và các bên liên quan để kiểm chứng các khu vực thí điểm, chú ý gắn kết với chương trình “mỗi xã một sản phẩm - OCOP” trong Chương trình Nông thôn Mới.</p>					<p>Đi lại và họp tư vấn ở cấp tỉnh/huyện.</p>
2.3b	<p>Phối hợp với Dự án do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm cơ quan chủ quản thông qua điều phối của UNDP để thực hiện: Hỗ trợ nông dân thực hiện sản xuất cây hoa màu một cách bền vững. Hỗ trợ các khâu kỹ thuật, tổ chức, vật tư cho các khu vực thí điểm đã xác định trong Hoạt động 2.1f (và hỗ trợ kỹ thuật –tổ chức bên ngoài khu vực thí điểm trên) để thực hiện các thực hành SX tốt (bao gồm hỗ trợ tiến trình xây dựng tầm nhìn chung, lập kế hoạch xây dựng cảnh quan mẫu, kiểm tra chất lượng đất, giống cho nông lâm kết hợp và trồng xen, công trình tưới và vật tư, phân rõ ranh giới đất, vành đai xanh và quyền sở hữu đất).</p>					<p>Vốn đối ứng song song được sử dụng gắn kết từ nguồn phân bổ để thực hiện: Đề án phát triển rừng bền vững bằng phương thức nông lâm kết hợp và trồng cây rải rác trong giai đoạn 2020-2025 của tỉnh Đắk Nông; Dự án “Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung bộ tỉnh Đắk Nông”; Dự án Chuyển đổi Nông nghiệp bền vững tại Việt Nam (Việt NamSAT) tỉnh Đắk Nông.</p>

2

2.3c	<p>Phối hợp với Dự án do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm cơ quan chủ quản thông qua điều phối của UNDP để thực hiện: Hỗ trợ các cộng đồng dân tộc thiểu số, phụ nữ thực hiện các mô hình nông nghiệp sinh thái. Trong các mô hình thí điểm xác định ở HĐ 2.1f, tiến hành tham vấn và nâng cao năng lực, lựa chọn hộ nông dân tình nguyện, hỗ trợ họ thiết kế và thực hiện nông nghiệp sinh thái trên diện tích đất nông nghiệp của họ, giám sát và đánh giá kết quả.</p>				<p>Hỗ trợ các cộng đồng dân tộc thiểu số, phụ nữ thực hiện các mô hình canh tác nông nghiệp sinh thái (03 mô hình).          Vốn đối ứng song song được sử dụng gắn kết với chương trình “mỗi xã một sản phẩm - OCOP” trong Chương trình Nông thôn Mới; từ nguồn phân bổ các chương trình/dự án đầu tư sản xuất bền vững những ngành hàng như cà phê, cao su, hồ tiêu; từ nguồn Dự án “Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung bộ tỉnh Đắk Nông”; Dự án Chuyển đổi Nông nghiệp bền vững tại Việt Nam (Việt NamSAT) tỉnh Đắk Nông.</p>
2.3d	<p>Phối hợp với Dự án do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm cơ quan chủ quản thông qua điều phối của UNDP để thực hiện: Hỗ trợ các cộng đồng dân tộc thiểu số, phụ nữ thực hiện các mô hình lâm sản ngoài gỗ và dịch vụ từ rừng. Tại các khu vực thí điểm xác định trong hoạt động 2.1f, hỗ trợ nâng cao năng lực cho các cộng đồng khó khăn; xây dựng kế hoạch, ngân sách quản lý cấp cộng đồng; hỗ trợ kỹ thuật; cung cấp vật tư và các loại hình hỗ trợ khác nếu cần cho từng bên (các hộ gia đình tự nguyện thí điểm, tổ chức tài chính, Việt NamFF, các công ty thu mua, chế biến, ...)</p>				<p>Hỗ trợ các cộng đồng dân tộc thiểu số, phụ nữ thực hiện các mô hình lâm sản ngoài gỗ và dịch vụ từ rừng (2 mô hình);          Vốn đối ứng song song được sử dụng gắn kết với chương trình “mỗi xã một sản phẩm - OCOP” trong Chương trình Nông thôn Mới; từ nguồn Dự án “Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung bộ tỉnh Đắk Nông”; Dự án Chuyển đổi Nông nghiệp bền vững tại Việt Nam (Việt NamSAT) tỉnh Đắk Nông.</p>
<p><b>Kết quả 3: Môi trường tài chính được cải thiện với các sáng kiến tăng nguồn đầu tư và cải thiện quan hệ đối tác nhằm xúc tiến chuyển đổi theo hướng canh quan bền vững, tập trung ở cấp tỉnh và huyện.</b></p>					
<p><b>Đầu ra 3.1: Dòng tài chính công và tư nhân cho sử dụng đất được hệ thống hóa và lồng ghép hỗ trợ các mục tiêu sử dụng đất bền vững và giảm thiểu biến đổi khí hậu.</b></p>					
3.1a	<p>Xây dựng ToR cho hoạt động hệ thống thường trực cấp tỉnh (Đắk Nông) để theo dõi và phân tích các nguồn tài chính công-tư liên quan đến sử dụng đất bền vững và biến đổi khí hậu, dựa trên hoạt động tương tự được EFI hỗ trợ năm 2016-2017 tại Tây Nguyên. ToR sẽ làm rõ kết quả mong đợi, phương pháp, dữ liệu yêu cầu, qui trình thu thập, tiếp cận, xử lý dữ liệu một cách liên tục, cũng như các sắp xếp thể chế và các qui trình phân tích và đối thoại liên ngành. ToR sẽ cần trình UBND tỉnh Đắk Nông thông qua trước khi thiết lập hệ thống.</p>				<p>Hợp tham vấn cấp tỉnh/huyện</p>

3.1b	<p>Xây dựng hệ thống: Thu thập dữ liệu, thông qua biểu mẫu thông tin và các qui chế chia sẻ thông tin với các cơ quan liên quan tại các cấp, thiết kế cơ sở dữ liệu, phân loại thông tin thống nhất với các nội dung Kết quả 1; xây dựng cẩm nang vận hành và đào tạo các chuyên gia cấp tỉnh để vận hành và quản lý hệ thống. Đóng góp dữ liệu liên quan cho Hệ thống giám sát đánh giá tổng thể tiến độ dịch chuyển theo hướng cảnh quan bền vững (Đầu ra 1.2). Tiến hành giám sát hệ thống hàng năm và phân tích các nguồn tài chính. Trích xuất từ hệ thống Báo cáo hàng năm với các phát hiện và khuyến nghị.</p>					Họp tham vấn cấp tỉnh/huyện
3.1c	<p>Dựa trên các báo cáo hàng năm về dòng đầu tư cho sử dụng đất và biến đổi khí hậu tại Đắk Nông, tiến hành hỗ trợ đối thoại liên ngành về qui hoạch sử dụng đất tích hợp (Đầu ra 1.1) và chiến dịch vận động chính sách giúp cho các dòng đầu tư công-tư vào tỉnh đóng góp tốt hơn cho các chỉ tiêu bền vững trên địa bàn về môi trường, sản xuất và ứng phó biến đổi khí hậu, đặc biệt đầu tư công trong lĩnh vực nông nghiệp và PTNT. Hỗ trợ kỹ thuật giúp cho chủ các dự án nghiên cứu và thử nghiệm cách thức hiệu quả để lồng ghép tốt hơn nguồn lực dự án của họ vào các mục tiêu chuyển dịch theo hướng địa bàn bền vững không mất rừng.</p>					Họp tham vấn ở cấp huyện

**Đầu ra 3.2: Các đề án kinh doanh được xây dựng và thỏa thuận hợp tác được ký kết với các công ty quốc tế và trong nước để đảm bảo tiêu thụ sản phẩm không gây mất rừng, bao gồm cả lâm sản ngoài gỗ và dịch vụ từ rừng**

3.2a	<p>Xây dựng các mô hình kinh doanh khả thi để khẳng định tính kinh tế và cơ hội kinh doanh cho ít nhất 03 mô hình bền vững của cây hàng hóa và lâm sản ngoài gỗ và dịch vụ từ rừng (gắn với HD 2.1b và 2.1d). Hoạt động này bao gồm thu thập và phân tích thêm thông tin, đánh giá tiềm năng kinh tế của mô hình bền vững cấp nông hộ và cấp cảnh quan, có tính đến các khía cạnh như sản xuất tại thực địa, năng lực và khả năng hỗ trợ kỹ thuật, các công cụ đảm bảo tính bền vững của chuỗi như truy xuất nguồn gốc, tiêu chuẩn, đăng ký và hệ thống quản lý thông tin.</p>					<p>Họp tham vấn cấp tỉnh/huyện          Vốn đối ứng song song được sử dụng gắn kết với:          Chương trình “mỗi xã một sản phẩm - OCOP” trong          Chương trình Nông thôn Mới; Dự án Phát triển hạ tầng          chuỗi giá trị nông nghiệp thông minh thích ứng với          biến đổi khí hậu; Dự án giảm phát thải khí nhà kính tại          khu vực Tây Nguyên, duyên hải Nam Trung bộ Việt          Nam tại Đắk Nông.</p>
3.2b	<p>Đánh giá ảnh hưởng chi phí đa quy mô của việc chuyển đổi mô hình theo hướng bền vững ở cấp nông trại và cấp chuỗi cung ứng, và đánh giá toàn diện về nhu cầu vốn tăng thêm cũng như khoản đầu tư thiếu hụt để thực hiện chuyển đổi toàn bộ 03 ngành hàng đã được lựa chọn ra toàn bộ chuỗi liên quan trên địa bàn tỉnh,Đắk Nông, tập trung phân tích sâu và chính xác cho 2 huyện thí điểm Đồng thời, tham vấn với khu vực doanh nghiệp và cơ quan hành chính để rà soát nguồn tài chính hiện có, định lượng khoản thiếu hụt và yêu cầu và xem xét tiềm năng huy động phù hợp nhất và cơ chế tài chính.</p>					<p>Họp tham vấn cấp tỉnh/huyện          Vốn đối ứng song song được sử dụng gắn kết với:          Chương trình “mỗi xã một sản phẩm - OCOP” trong          Chương trình Nông thôn Mới; từ nguồn phân bổ các          chương trình/dự án đầu tư sản xuất bền vững những          ngành hàng như cà phê, cao su, hồ tiêu; Dự án Phát          triển hạ tầng chuỗi giá trị nông nghiệp thông minh          thích ứng với biến đổi khí hậu; Dự án giảm phát thải          khí nhà kính tại khu vực Tây Nguyên, duyên hải Nam          Trung bộ Việt Nam tại Đắk Nông</p>

3.2c	<p>Phổ biến các phát hiện của các đánh giá trong hoạt động 3.1a và 3.1b đến các doanh nghiệp trong các ngành hàng nông nghiệp chính, lâm sản ngoài gỗ và dịch vụ từ rừng (các đơn vị thu mua, nhà bán lẻ trong nước và quốc tế, nhà máy chế biến, hợp tác xã, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hoặc đầu vào...). Thu hút sự tham gia của các doanh nghiệp, đánh giá rủi ro đối tác, đàm phán, ký kết và thực thi các thỏa thuận MoU, trong đó có bao gồm các mục tiêu chung, nguồn lực cam kết, các hoạt động chính và cách thức giám sát. Hoạt động này giúp hỗ trợ kỹ thuật cho doanh nghiệp điều chỉnh chiến lược phù hợp với các tiêu chí cho vay của ngân hàng.</p>					<p>Hợp tham vấn cấp tỉnh/huyện  Vốn đối ứng song song được sử dụng gắn kết với:  Chương trình “mỗi xã một sản phẩm - OCOP” trong  Chương trình Nông thôn Mới; từ nguồn phân bổ các  chương trình/dự án đầu tư sản xuất bền vững những  ngành hàng như cà phê, cao su, hồ tiêu; Dự án Phát  triển hạ tầng chuỗi giá trị nông nghiệp thông minh  thích ứng với biến đổi khí hậu; Dự án giảm phát thải  khí nhà kính tại khu vực Tây Nguyên, duyên hải Nam  Trung bộ Việt Nam tại Đắk Nông</p>
<p><b>Đầu ra 3.3: Phối hợp với dự án do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm cơ quan chủ quản: Xây dựng mô hình tài chính điển hình thu hút ngành tài chính và bảo hiểm; thu hút các định chế tài chính trong nước, quốc tế, các đối tác tiềm năng khác nhằm cung cấp nguồn tài chính bổ sung hoặc các giải pháp bảo hiểm cho một số cây hàng hóa chính, lâm sản ngoài gỗ và các dịch vụ từ rừng thông qua các cuộc họp song phương.</b></p>						
3.3a	<p>Phối hợp với dự án do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm cơ quan chủ quản: Xây dựng mô hình tài chính điển hình thu hút ngành tài chính và bảo hiểm, thông qua phân tích và định lượng qui mô thị trường vốn trong phạm vi đề xuất, VD: trình bày số lượng dự án có thể đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của ngân hàng về hồ sơ rủi ro, lợi nhuận, qui mô dự án, các lợi ích về xã hội và môi trường...Đồng thời, phân tích các cản trở trong đầu tư và huy động tài chính, và thực hiện phân tích kinh tế vĩ mô nhằm giúp ngân hàng nhận biết được tiềm năng thị trường trong tương lai.</p>					<p>Phối hợp với dự án do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm cơ quan chủ quản và Nhà tài trợ</p>
3.3b	<p>Phối hợp với dự án do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm cơ quan chủ quản: Thu hút các định chế tài chính trong nước, quốc tế, và các đối tác tiềm năng khác trong các công cụ tài chính hỗn hợp và chia sẻ rủi ro, thông qua các cuộc họp song phương để phổ biến các phát hiện và kết quả đánh giá trong Hoạt động 3.2a và nhận định các cơ hội tiềm năng. Tiến hành đánh giá rủi ro đối tác, đàm phán, ký kết và thực thi các thỏa thuận MoU, trong đó có bao gồm các mục tiêu chung, nguồn lực cam kết, các hoạt động chính và cách thức giám sát.</p>					<p>Phối hợp với dự án do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm cơ quan chủ quản và Nhà tài trợ</p>
<p><b>Đầu ra 3.4: Các sáng kiến Chi trả dịch vụ môi trường rừng hiệu quả và mang tính đột phá được nghiên cứu, thử nghiệm và triển khai ở 2 huyện thí điểm nhằm tạo ra nguồn tài chính bổ sung và tăng cường các lợi ích môi trường và xã hội.</b></p>						



3.4a	Rà soát các thách thức và cơ hội để mở rộng và cải thiện Chi trả dịch vụ môi trường rừng, với cách tiếp cận chiến lược hơn trong việc sử dụng Chi trả dịch vụ môi trường rừng (ít nhất là phần doanh thu tăng thêm của Chi trả dịch vụ môi trường rừng) như một công cụ đồng tài trợ để thúc đẩy phát triển các chuỗi ngành hàng nông nghiệp và lâm nghiệp bền vững và có lợi nhuận. Hoạt động này cần sự chấp thuận của Việt NamFF và UBND tỉnh Đắk Nông; rà soát các phân tích, quyết định và các mô hình đã thí điểm, hỗ trợ đối thoại phối hợp giữa các bên liên quan (bao gồm Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường...) ở cấp trung ương và cấp tỉnh; và có thể soạn thảo và thông qua cơ chế thử nghiệm ở các huyện thí điểm hoặc nhân rộng ở cấp cao hơn.					Họp tham vấn cấp tỉnh/huyện; Vốn đối ứng song song được sử dụng gắn kết với nguồn kinh phí chi trả dịch vụ môi trường rừng của tỉnh.
3.4b	Thiết kế mô hình thí điểm, bao gồm cấu trúc tổng thể, qui trình chi tiết, cách thức vận hành, hướng dẫn kỹ thuật và sắp xếp thể chế; thiết kế các phương pháp hạch toán trong thu và phân bổ nguồn lực, thu hút bên sử dụng dịch vụ, truyền thông cho người hưởng lợi tiềm năng, thiết kế hệ thống giám sát đánh giá... Việc thiết kế và vận hành hệ thống giám sát đánh giá sẽ dựa trên hệ thống giám sát đánh giá về tiến trình chuyển dịch theo hướng bền vững mở rộng (Đầu ra 1.2), kết nối với hệ thống giám sát đầu tư công (Đầu ra 3.4), nhằm cho phép đánh giá tác động kinh tế-xã hội-môi trường và các yếu tố hấp dẫn các bên đồng tài trợ khác một cách thường xuyên. Mục tiêu sẽ được xác định cùng với lượng vốn và hỗ trợ trực tiếp cho các hoạt động hiện trường ở Kết quả 2					Các cuộc họp tham vấn ở cấp tỉnh/huyện.
3.4c	Thực hiện mô hình Chi trả dịch vụ môi trường rừng thí điểm ở cấp phù hợp (ít nhất trên 01 huyện). Hỗ trợ kỹ thuật và tập huấn Việt NamFF ở cấp liên quan để vận hành thí điểm và hệ thống giám sát đánh giá. Đánh giá tác động định kỳ và truyền thông về kết quả đánh giá để từng bước tăng động lực cải thiện và nhân rộng.					Họp tham vấn ở cấp tỉnh/huyện. Vốn đối ứng song song được sử dụng gắn kết với nguồn tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng của tỉnh.
3.5	Phối hợp với dự án do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm cơ quan chủ quản để sử dụng Dịch vụ Hỗ trợ Kỹ thuật Trực tiếp do UNDP cung cấp.					Phối hợp với các chuyên gia do UNDP tuyển dụng và Dự án do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm cơ quan chủ quản để triển khai công việc hiện trường
<b>Kết quả 4: Tính bền vững và khả năng nhân rộng của dự án được đảm bảo thông qua nỗ lực điều phối mạnh mẽ, giám sát đánh giá, tài liệu hóa và chia sẻ tri thức, truyền thông và vận động chính sách cấp vùng và cấp quốc gia</b>						
<b>Đầu ra 4.1: Dự án được thực hiện có hiệu quả, đảm bảo các tiêu chuẩn an toàn và đạt được các mục tiêu nhờ năng lực mạnh mẽ trong điều phối, hỗ trợ, giám sát và đánh giá hoạt động và hiệu quả dự án (có chú trọng yếu tố giới) ở cấp trung ương và cấp tỉnh, với sự tham gia của các thể chế phù hợp</b>						
4.1a	Trang thiết bị (từ nguồn vốn ODA). Vốn đối ứng chi trả cho hoạt động của Ban quản lý Dự án tại tỉnh Đắk Nông (nguồn sự nghiệp).					Phối hợp Nhà tài trợ xây dựng Thư thỏa thuận (LOA); Ký thỏa thuận thư LOA để tiếp nhận vốn viện trợ; Thành lập Ban quản lý dự án; xây dựng quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ các thành viên Ban quản lý Dự án để triển khai thực hiện.

4.1b	Thiết lập và điều phối các cơ quan liên quan, các công cụ và vận hành đảm bảo điều phối hiệu quả, theo dõi, giám sát và đánh giá dự án, bao gồm việc thành lập các cơ quan điều phối chính và hỗ trợ hoạt động của họ, hỗ trợ trực tiếp cho Văn phòng Ban Chỉ đạo Chương trình phát triển Lâm nghiệp bền vững (SSCO REDD+)					Đi lại, các cuộc họp điều phối/hội thảo đánh giá hàng năm.
4.1c	Thúc đẩy lồng ghép tiến trình chuyển dịch theo hướng bền vững ở các địa bàn phù hợp với khung Đảm bảo An toàn (ĐBAT) trong REDD+ Việt Nam, hướng đến các kết quả môi trường và xã hội bền vững lâu dài. Hoạt động này gồm các công việc: i) Điều phối với Hoạt động 1.1b và 1.1c đảm bảo phương pháp và kế hoạch thực hiện qui hoạch sử dụng đất phù hợp với cách tiếp cận trong Khung ĐBAT (Ví dụ: có đánh giá tác động tiềm năng, lợi ích, rủi ro...); ii) Rà soát các tiêu chuẩn ngành hàng cao su và cà phê (1.4a) để xác định nội dung liên quan đến giải quyết và tôn trọng các biện pháp đảm bảo an toàn; iii) Xây dựng năng lực cho cấp huyện và tỉnh trong việc vận hành thí điểm hướng dẫn ở tỉnh khác; iv) Điều phối với Khung giám sát đánh giá chung cho tiến trình chuyển dịch theo hướng cảnh quan bền vững (1.2), với việc xác định các thông tin/chỉ số liên quan ĐBAT trong khung chung và các hệ thống giám sát đánh giá liên quan; v) Cải thiện Hệ thống Thông tin ĐBAT Giai đoạn 1 của Việt Nam để lồng ghép thông tin từ sáng kiến không gây mất rừng.					Họp tham vấn cấp tỉnh/huyện
<b>Đầu ra 4.2: Tăng cường mạng lưới kỹ thuật của các tổ chức hàng đầu ở nhiều cấp và xác định phương pháp quản lý bền vững tổng hợp và cách tiếp cận không mất rừng, lập thành văn bản và xác nhận ở cấp quốc gia, và được áp dụng dần dần thông qua các chính sách, luật và quy định.</b>						
4.2a	Phối hợp với UNDP xây dựng các sản phẩm tri thức và truyền thông, bao gồm các phim tư liệu, tài liệu về các khía cạnh cụ thể trong cách tiếp cận quản lý cảnh quan bền vững tích hợp (tiêu chuẩn, chỉ dẫn địa lý, giám sát theo thời gian thực, truy xuất nguồn gốc, quản lý dữ liệu địa phương, nông nghiệp sinh thái, nông-lâm kết hợp, giám sát dựa vào cộng đồng, các công cụ tài chính, kiến thức bản địa và các mô hình kinh doanh ...). Hỗ trợ các đối tác và các bên liên quan chia sẻ kinh nghiệm và các phát hiện ở trong nước và quốc tế.					Phối hợp Nhà tài trợ
4.2b	Hỗ trợ các cơ quan chính phủ liên quan (Văn phòng Ban Chỉ đạo Chương trình phát triển Lâm nghiệp bền vững và REDD+ -SSCO, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Kế hoạch và Đầu tư...) và chính quyền cấp tỉnh trao đổi và xây dựng quan hệ đối tác để hoàn thiện và đẩy mạnh thực thi tiếp cận theo hướng địa bàn phát triển bền vững không mất rừng ở Đắk Nông, và nhân rộng trong khu vực.					Họp tham vấn cấp tỉnh/huyện
4.2c	Xây dựng các Bản tin khuyến nghị chính sách để tổng hợp các kết quả, bài học kinh nghiệm, đề xuất hướng tiếp theo nhằm nhân rộng mô hình quản lý cảnh quan bền vững và tiếp cận địa bàn bền vững không mất rừng. Phổ biến các phát hiện và khuyến nghị thông qua các diễn đàn/sự kiện địa phương và trung ương, bao gồm cả hội thảo kết thúc dự án					Hội thảo cuối kỳ và các sự kiện.
4.2d	Phối hợp với dự án do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm cơ quan chủ quản để thực hiện nội dung cung cấp hỗ trợ chính sách dựa trên các giải pháp đã thử nghiệm và tạo nền móng cho quản lý cảnh quan bền vững và phương pháp tiếp cận theo hướng địa bàn bền vững không mất rừng tại Việt Nam được đưa vào các chính sách và văn bản pháp luật liên quan.					Phối hợp dự án do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm cơ quan chủ quản và Nhà tài trợ để triển khai thực hiện

**BIỂU 3: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN UNDP - TỈNH ĐẮK NÔNG NĂM THỨ NHẤT**  
(Kèm theo Quyết định số 1266 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

STT	KẾT QUẢ ĐẦU RA VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG THEO VĂN KIẾN DỰ ÁN	Tổng	Nguồn vốn đối ứng (VNĐ)	Nguồn vốn ODA (VNĐ)	Dự kiến tiến độ thực hiện (Quý/năm)	Ghi chú
Kết quả 1	Hệ thống quản trị hiệu quả bao gồm các công cụ và quy trình quản lý và quy hoạch sử dụng đất tích hợp được thiết lập ở cấp huyện và tỉnh	1.532.412.400	0	1.532.412.400		
Đầu ra 1.1	Một quy hoạch sử dụng đất tích hợp, phù hợp với Quy hoạch cấp tỉnh, được lập cho từng huyện thí điểm, với các bản đồ, mục tiêu và kế hoạch hành động rõ ràng theo hướng bền vững và không gây mất rừng.	902.232.250	0	902.232.250		
1.1a	Tuyển dụng 02 cán bộ hỗ trợ tại tỉnh để điều phối hầu hết các kết quả với sự chú trọng đặc biệt và trực tiếp thực hiện các hoạt động theo kết quả 1.	821.731.700	0	821.731.700	Quý II/2022	
1.1b	Thiết lập kênh đối thoại chính thức và có qui chế hoạt động (ai tham gia, về nội dung gì, khi nào, và vận hành ra sao) để điều phối các nỗ lực lập quy hoạch/kế hoạch cấp huyện, bao gồm trao đổi với cấp tỉnh và huy động cấp xã tham gia, chính thức hóa thông qua một Biên bản ghi nhớ (MoU)	80.500.550	0	80.500.550	Quý III/2022	
Đầu ra 1.3	Các diễn đàn đối thoại giữa các bên liên quan được thiết lập (i) giữa các cơ quan có thẩm quyền và khu vực tư nhân tại cấp huyện, (ii) trong từng chuỗi cung ứng hàng hóa, (iii) trong các ngành hàng lâm sản ngoài gỗ được thiết lập và hỗ trợ	292.457.150	0	292.457.150		
1.3a	Thiết lập (nếu phù hợp) và hỗ trợ các diễn đàn công-tư điều phối cảnh quan trên địa bàn từng huyện thí điểm, với sự tham gia của đại diện các diễn đàn ngành hàng chính và các bên liên quan khác dưới sự chủ trì của lãnh đạo UBND huyện. Thiết lập cơ chế và tổ chức diễn đàn chính thức khi cần thiết. Thông qua các diễn đàn này, (i) hình thành các thỏa thuận PPI (nơi chưa có), giám sát quá trình thực hiện chung, và đề xuất cải thiện liên quan, (ii) đề xuất với các bên nhằm cải thiện hiệu quả thực thi, (iii) rà soát việc thực thi của từng đối tác và cam kết tương ứng, (iv) thảo luận các vấn đề phát sinh trong quá trình chuyển dịch bền vững rộng hơn và các khuyến nghị đối với các cơ quan công quyền về việc thực hiện bản kế hoạch sử dụng đất tích hợp và các quy hoạch tổng thể (Đầu ra 1.1), và các tiêu chuẩn địa bàn bền vững (Đầu ra 1.2), (v) thảo luận và khuyến nghị đối với các qui định.	120.739.400	0	120.739.400	Quý III-IV/2022	
1.3b	Chính thức thiết lập và hỗ trợ vận hành 04 diễn đàn ngành hàng bao gồm cà phê, tiêu và cao su, hạt điều.	144.869.000	0	144.869.000	Quý III-IV/2022	
1.3c	Thiết lập diễn đàn hoặc mạng lưới đối tác (các cơ quan liên quan cấp tỉnh, huyện và xã thí điểm, các chuyên gia, đơn vị nghiên cứu, các doanh nghiệp, NGOs, nhóm hộ...)	26.848.750	0	26.848.750	Quý III-IV/2022	
Đầu ra 1.4	Các tiêu chuẩn ngành hàng bền vững và không gây mất rừng (bao gồm cả lâm sản ngoài gỗ) được các bên liên quan thông qua và được hỗ trợ bởi các qui định.	40.216.000	0	40.216.000		

2

1.4a	Xây dựng bốn tiêu chuẩn bền vững không gây mất rừng dựa vào các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế đang có, cho cà phê, tiêu, cao su, hạt điều để thực hiện ở các huyện thí điểm.	40.216.000	0	40.216.000	Quý IV/2022	
<b>Đầu ra 1.5</b>	<b>Khung cảnh báo sớm, minh bạch và toàn diện hỗ trợ việc thực thi các quy định về môi trường và truy xuất nguồn gốc của chuỗi giá trị hàng hóa được xây dựng và thử nghiệm tại 2 huyện thí điểm.</b>	<b>297.507.000</b>	<b>0</b>	<b>297.507.000</b>		
1.5a	Đưa ra cảnh báo mất rừng và suy thoái rừng theo định kỳ 2 tuần/lần tại 2 huyện thí điểm, sử dụng ứng dụng hệ thống Terra-i có độ phân giải 10m (Sentinel).	265.288.500	0	265.288.500	Định kỳ 2 tuần/lần	
1.5b	Thúc đẩy các giải pháp quản lý sử dụng đất và quản trị rừng thông qua thu thập dữ liệu hiện trường từ dưới lên.	32.218.500	0	32.218.500	Quý III/2022	
<b>Kết quả 2</b>	<b>Các thực hành tiêu chuẩn hóa sản xuất bền vững, thông minh với khí hậu, được thực hiện trong sản xuất nông nghiệp và lâm sản ngoài gỗ và các dịch vụ từ rừng</b>	<b>241.501.650</b>	<b>0</b>	<b>241.501.650</b>		
<b>Đầu ra 2.1</b>	<b>Hầu hết các can thiệp có triển vọng cho phát triển nông nghiệp bền vững và lâm sản ngoài gỗ &amp; dịch vụ từ rừng được ưu tiên và phát triển bao gồm các hướng dẫn kỹ thuật và đánh giá kinh tế</b>	<b>241.501.650</b>	<b>0</b>	<b>241.501.650</b>		
2.1b	Tổng hợp thông tin và phân loại nông hộ, hệ thống canh tác và các vùng sinh thái nông nghiệp (AEZ) tại 2 huyện thí điểm: Căn cứ vào kết quả tham vấn và ý kiến chuyên gia trong Hoạt động 1.1d, bản đồ hóa các khu vực trồng cây hàng hóa chính, khu vực nông nghiệp tự cung tự cấp, lâm sản ngoài gỗ và dịch vụ từ rừng tại 2 huyện thí điểm, xác định cơ hội, các sức ép cụ thể, rủi ro, mức độ thiệt hại liên quan đến các yếu tố môi trường, kinh tế và xã hội (từ diện tích và tình trạng đất đai, đặc điểm nguồn nhân lực, các cây trồng chính, mức độ sử dụng chất hóa học, các thực hành nông nghiệp sinh thái, tác động biến đổi khí hậu, tiếp cận thị trường, các cơ hội và nguy cơ cụ thể). Hoạt động này bao gồm công việc rà soát các phát hiện và khuyến nghị từ cho phát triển lâm sản ngoài gỗ và dịch vụ từ rừng tại 02 huyện, làm rõ các nội dung Quyết định số 13-2017 và Kết luận số 97-KL/TW năm 2014 về đóng cửa rừng và kiểm soát chặt chẽ lâm sản ngoài gỗ cũng như khả năng xây dựng tiêu chuẩn lâm sản ngoài gỗ trong rừng tự nhiên.	134.175.200	0	134.175.200	Quý III/2022	
2.1c	Xếp loại ưu tiên các mô hình thí điểm dựa vào tiềm năng tác động trong việc tăng cường khả năng thích ứng, thu nhập cho nông dân và tính đa lợi ích trong giảm thiểu tác động biến đổi khí hậu. Kiểm chứng các ưu tiên với chính quyền địa phương và các bên liên quan khác thông qua các hội thảo cấp tỉnh và huyện. Cuối cùng, lựa chọn từ 6 đến 12 mô hình can thiệp dành cho từ 3-4 loại hộ nông dân trong (i) Hệ thống canh tác cây công nghiệp, (ii) các giải pháp nông nghiệp sinh thái cho các cộng đồng dân tộc thiểu số, phụ nữ và (iii) hệ thống sản xuất lâm sản ngoài gỗ.	107.326.450	0	107.326.450	Quý III/2022	
<b>Kết quả 3</b>	<b>Môi trường tài chính được cải thiện với các sáng kiến tăng nguồn đầu tư và cải thiện quan hệ đối tác nhằm xúc tiến chuyển đổi theo hướng cảnh quan bền vững, tập trung ở cấp tỉnh và huyện.</b>	<b>108.651.750</b>	<b>0</b>	<b>108.651.750</b>		
<b>Đầu ra 3.1</b>	<b>Đòng tài chính công và tư nhân cho sử dụng đất được hệ thống hóa và lồng ghép hỗ trợ các mục tiêu sử dụng đất bền vững và giảm thiểu biến đổi khí hậu.</b>	<b>68.412.900</b>	<b>0</b>	<b>68.412.900</b>		



3.1a	Xây dựng ToR cho hoạt động hệ thống thường trực cấp tỉnh (Đắk Nông) để theo dõi và phân tích các nguồn tài chính công-tư liên quan đến sử dụng đất bền vững và biến đổi khí hậu, dựa trên hoạt động tương tự được EFI hỗ trợ năm 2016-2017 tại Tây Nguyên. ToR sẽ làm rõ kết quả mong đợi, phương pháp, dữ liệu yêu cầu, qui trình thu thập, tiếp cận, xử lý dữ liệu một cách liên tục, cũng như các sắp xếp thể chế và các qui trình phân tích và đối thoại liên ngành. ToR sẽ cần trình UBND tỉnh Đắk Nông thông qua trước khi thiết lập hệ thống.	40.238.850	0	40.238.850	Quý III/2022	
3.1b	Xây dựng hệ thống: Thu thập dữ liệu, thông qua biểu mẫu thông tin và các qui chế chia sẻ thông tin với các cơ quan liên quan tại các cấp, thiết kế cơ sở dữ liệu, phân loại thông tin thống nhất với các nội dung Kết quả 1; xây dựng cẩm nang vận hành và đào tạo các chuyên gia cấp tỉnh để vận hành và quản lý hệ thống. Đóng góp dữ liệu liên quan cho Hệ thống giám sát định giá tổng thể tiến độ dịch chuyển theo hướng cảnh quan bền vững (Đầu ra 1.2). Tiến hành giám sát hệ thống hàng năm và phân tích các nguồn tài chính. Trích xuất từ hệ thống Báo cáo hàng năm với các phát hiện và khuyến nghị.	28.174.050	0	28.174.050	Quý IV/2022	
Đầu ra 3.4	Các sáng kiến Chi trả dịch vụ môi trường rừng hiệu quả và mang tính đột phá được nghiên cứu, thử nghiệm và triển khai ở 2 huyện thí điểm nhằm tạo ra nguồn tài chính bổ sung và tăng cường các lợi ích môi trường và xã hội.	40.238.850	0	40.238.850		
3.4a	Rà soát các thách thức và cơ hội để mở rộng và cải thiện Chi trả dịch vụ môi trường rừng, với cách tiếp cận chiến lược hơn trong việc sử dụng Chi trả dịch vụ môi trường rừng (ít nhất là phần doanh thu tăng thêm của Chi trả dịch vụ môi trường rừng) như một công cụ đồng tài trợ để thúc đẩy phát triển các chuỗi ngành hàng nông nghiệp và lâm nghiệp bền vững và có lợi nhuận Hoạt động này cần sự chấp thuận của VNFF và UBND tỉnh thí điểm; rà soát các phân tích, quyết định và các mô hình đã thí điểm, hỗ trợ đối thoại phối hợp giữa các bên liên quan (bao gồm Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường...) ở cấp trung ương và cấp tỉnh; và có thể soạn thảo và thông qua cơ chế thử nghiệm ở các huyện thí điểm hoặc nhân rộng ở cấp cao hơn.	40.238.850	0	40.238.850	Quý IV/2022	
Kết quả 4	Tính bền vững và khả năng nhận rộng của dự án được đảm bảo thông qua nỗ lực điều phối, giám sát đánh giá, tài liệu hóa và chia sẻ kiến thức, truyền thông và vận động chính sách cấp vùng và cấp quốc gia	611.154.700	320.000.000	291.154.700		
Đầu ra 4.1	Dự án được thực hiện có hiệu quả, đảm bảo các tiêu chuẩn an toàn và đạt được các mục tiêu nhờ năng lực mạnh mẽ trong điều phối, hỗ trợ, giám sát và đánh giá hoạt động và hiệu quả dự án (có chú trọng yếu tố giới) ở cấp trung ương và cấp tỉnh, với sự tham gia của các thể chế phù hợp	611.154.700	320.000.000	291.154.700		
4.1a	Trang thiết bị (từ nguồn vốn ODA); Vốn đối ứng (sử dụng để chi trả cho hoạt động của Ban quản lý Dự án UNDP - tỉnh Đắk Nông; đã bố trí nguồn kinh phí này tại Quyết định số 2222/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND tỉnh về việc giao dự toán Nhà nước năm 2022).	430.022.750	320.000.000	110.022.750	Quý II/2022	

4.1b	Thiết lập và điều phối các cơ quan liên quan, các công cụ và vận hành đảm bảo điều phối hiệu quả, theo dõi, giám sát và đánh giá dự án, bao gồm việc thành lập các cơ quan điều phối chính và hỗ trợ hoạt động của họ, hỗ trợ trực tiếp cho Văn phòng Ban Chỉ đạo Chương trình phát triển Lâm nghiệp bền vững (SSCO REDD+).	134.175.200	0	134.175.200	Thường xuyên
4.1c	Thúc đẩy lồng ghép tiến trình chuyển dịch theo hướng bền vững ở các địa bàn phù hợp với khung Đảm bảo An toàn (ĐBAT) trong REDD+ Việt Nam, hướng đến các kết quả môi trường và xã hội bền vững lâu dài. Hoạt động này gồm các công việc: i) Điều phối với Hoạt động 1.1b và 1.1c đảm bảo phương pháp và kế hoạch thực hiện qui hoạch sử dụng đất phù hợp với cách tiếp cận trong Khung ĐBAT (VD: có đánh giá tác động tiềm năng, lợi ích, rủi ro...); ii) Rà soát các tiêu chuẩn ngành hàng cao su và cà phê (1.4a) để xác định nội dung liên quan đến giải quyết và tôn trọng các biện pháp đảm bảo an toàn; iii) Xây dựng năng lực cho cấp huyện và tỉnh trong việc vận hành thí điểm hướng dẫn ở các tỉnh khác; iv) Điều phối với Khung giám sát định giá chung cho tiến trình chuyển dịch theo hướng cảnh quan bền vững (1.2), với việc xác định các thông tin/chi số liên quan ĐBAT trong khung chung và các hệ thống giám sát định giá liên quan; v) Cải thiện Hệ thống Thông tin ĐBAT Giai đoạn 1 của Việt Nam để lồng ghép thông tin từ sáng kiến không gây mất rừng.	46.956.750	0	46.956.750	Thường xuyên
<b>Tổng cộng Năm 2022 (VNĐ)</b>		<b>2.493.720.500</b>	<b>320.000.000</b>	<b>2.173.720.500</b>	
<b>USD (Quy đổi theo tỷ giá LHQ vào tháng 3/2022: 22.850)</b>		<b>109.134</b>	<b>14.004</b>	<b>95.130</b>	

**BIỂU 4: KẾ HOẠCH, SẢN PHẨM ĐẦU RA THỰC HIỆN DỰ ÁN UNDP - TỈNH ĐẮK NÔNG NĂM THỨ NHẤT**

*(Kèm theo Quyết định số 1266 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)*

STT	KẾT QUẢ ĐẦU RA VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG THEO VĂN KIẾN DỰ ÁN	KẾ HOẠCH PHÂN THEO THÁNG												Cơ quan thực hiện chính	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra			
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	#	11	12						
Kết quả 1	Hệ thống quản trị hiệu quả bao gồm các công cụ và quy trình quản lý và quy hoạch sử dụng đất tích hợp được thiết lập ở cấp huyện và tỉnh																		
Đầu ra 1.1	Một quy hoạch sử dụng đất tích hợp, phù hợp với Quy hoạch cấp tỉnh, được lập cho từng huyện thí điểm, với các bản đồ, mục tiêu và kế hoạch hành động rõ ràng theo hướng bền vững và không gây mất rừng.																		
1.1a	Tuyển dụng 02 cán bộ hỗ trợ tại tỉnh để điều phối hầu hết các kết quả với sự chú trọng đặc biệt và trực tiếp thực hiện các hoạt động theo kết quả 1.																PPMU	UNDP	Hồ sơ tuyển dụng và nhân sự
1.1b	Thiết lập kênh đối thoại chính thức và có qui chế hoạt động (ai tham gia, về nội dung gì, khi nào, và vận hành ra sao) để điều phối các nỗ lực lập quy hoạch/kế hoạch cấp huyện, bao gồm trao đổi với cấp tỉnh và huy động cấp xã tham gia, chính thức hóa thông qua một Biên bản ghi nhớ (MoU)																PPMU	UNDP	Biên bản MoU
Đầu ra 1.3	Các diễn đàn đối thoại giữa các bên liên quan được thiết lập (i) giữa các cơ quan có thẩm quyền và khu vực tư nhân tại cấp huyện, (ii) trong từng chuỗi cung ứng hàng hóa, (iii) trong các ngành hàng lâm sản ngoài gỗ được thiết lập và hỗ trợ																		
1.3a	Thiết lập (nếu phù hợp) và hỗ trợ các diễn đàn công-tư điều phối cảnh quan trên địa bàn từng huyện thí điểm, với sự tham gia của đại diện các diễn đàn ngành hàng chính và các bên liên quan khác dưới sự chủ trì của lãnh đạo UBND huyện. Thiết lập cơ chế và tổ chức diễn đàn chính thức khi cần thiết. Thông qua các diễn đàn này, (i) hình thành các thỏa thuận PPI (nơi chưa có), giám sát quá trình thực hiện chung, và đề xuất cải thiện liên quan, (ii) đề xuất với các bên nhằm cải thiện hiệu quả thực thi, (iii) rà soát việc thực thi của từng đối tác và cam kết tương ứng, (iv) thảo luận các vấn đề phát sinh trong quá trình chuyển dịch bền vững rộng hơn và các khuyến nghị đối với các cơ quan công quyền về việc thực hiện bản kế hoạch sử dụng đất tích hợp và các quy hoạch tổng thể (Đầu ra 1.1), và các tiêu chuẩn địa bàn bền vững (Đầu ra 1.2), (v) thảo luận và khuyến nghị đối với các qui định.																PPMU	IDH, UNDP	1 báo cáo của diễn đàn được xây dựng

1.3b	Chính thức thiết lập và hỗ trợ vận hành 04 diễn đàn ngành hàng bao gồm cà phê, tiêu và cao su, hạt điều.																	PPMU	IDH, UNDP, Bộ NN&PTNT (Cục Trồng trọt)	Từ tháng 8 - 12: thực hiện 1 diễn đàn cho 1 ngành hàng	
1.3c	Thiết lập diễn đàn hoặc mạng lưới đối tác (các cơ quan liên quan cấp tỉnh, huyện và xã thí điểm, các chuyên gia, đơn vị nghiên cứu, các doanh nghiệp, NGOs, nhóm hộ...)																		PPMU	UNDP, Bộ NN&PTNT (TCLN, Cục Trồng trọt)	Thiết lập 1 diễn đàn đối tác, Biên bản MoU
<b>Đầu ra 1.4</b>	<b>Các tiêu chuẩn ngành hàng bền vững và không gây mất rừng (bao gồm cả lâm sản ngoài gỗ) được các bên liên quan thông qua và được hỗ trợ bởi các qui định.</b>																				
1.4a	Xây dựng bốn tiêu chuẩn bền vững không gây mất rừng dựa vào các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế đang có, cho cà phê, tiêu, cao su, hạt điều để thực hiện ở các huyện thí điểm.																		PPMU	IDH, UNDP, Bộ NN&PTNT (TCLN)	Khảo sát thực tế, xác định địa bàn cấp xã, ngành hàng để triển khai. Báo cáo kết quả
<b>Đầu ra 1.5</b>	<b>Khung cảnh báo sớm, minh bạch và toàn diện hỗ trợ việc thực thi các quy định về môi trường và truy xuất nguồn gốc của chuỗi giá trị hàng hóa được xây dựng và thử nghiệm tại 2 huyện thí điểm.</b>																				

1.5a	Đưa ra cảnh báo mất rừng và suy thoái rừng theo định kỳ 2 tuần/lần tại 2 huyện thí điểm, sử dụng ứng dụng hệ thống Terra-i có độ phân giải 10m (Sentinel).													PPMU	CIAT	Hệ thống hỗ trợ kỹ thuật sẽ vận hành theo quy định của Nhà nước Việt Nam tại Nghị định số 03/2019/NĐ-CP ngày 04/01/2019 của Chính phủ, về hoạt động viễn thám và các quy định khác liên quan theo Văn kiện Dự án. Tham vấn CIAT, tiếp cận hệ thống Terre-i.
1.5b	Thúc đẩy các giải pháp quản lý sử dụng đất và quản trị rừng thông qua thu thập dữ liệu hiện trường từ dưới lên.													PPMU	UNDP, CIAT, IDH, Bộ NN&PTN T (TCLN)	Xây dựng khung biểu mẫu làm cơ sở thu thập dữ liệu hiện trường.
Kết quả 2	<b>Các thực hành tiêu chuẩn hóa sản xuất bền vững, thông minh với khí hậu, được thực hiện trong sản xuất nông nghiệp và lâm sản ngoài gỗ và các dịch vụ từ rừng</b>															
Đầu ra 2.1	Hầu hết các can thiệp có triển vọng cho phát triển nông nghiệp bền vững và lâm sản ngoài gỗ & dịch vụ từ rừng được ưu tiên và phát triển bao gồm các hướng dẫn kỹ thuật và đánh giá kinh tế															

2.1b	Tổng hợp thông tin và phân loại nông hộ, hệ thống canh tác và các vùng sinh thái nông nghiệp (AEZ) tại 2 huyện thí điểm: Căn cứ vào kết quả tham vấn và ý kiến chuyên gia trong Hoạt động 1.1.d, bản đồ hóa các khu vực trồng cây hàng hóa chính, khu vực nông nghiệp tự cung tự cấp, lâm sản ngoài gỗ và dịch vụ từ rừng tại 2 huyện thí điểm, xác định cơ hội, các sức ép cụ thể, rủi ro, mức độ thiệt hại liên quan đến các yếu tố môi trường, kinh tế và xã hội (từ diện tích và tình trạng đất đai, đặc điểm nguồn nhân lực, các cây trồng chính, mức độ sử dụng chất hóa học, các thực hành nông nghiệp sinh thái, tác động BĐKH, tiếp cận thị trường, các cơ hội và nguy cơ cụ thể). Hoạt động này bao gồm công việc rà soát các phát hiện và khuyến nghị từ cho phát triển lâm sản ngoài gỗ và dịch vụ từ rừng tại 02 huyện, làm rõ các nội dung Quyết định số 13-2017 và Kết luận số 97-KL/TW năm 2014 về đóng cửa rừng và kiểm soát chặt chẽ lâm sản ngoài gỗ cũng như khả năng xây dựng tiêu chuẩn lâm sản ngoài gỗ trong rừng tự nhiên.													PPMU	UNDP, CIAT, IDH, UNEP, Bộ NN&PTNT (Cục Trồng trọt)	Thực hiện hoạt động điều tra trong năm 2022
2.1c	Xếp loại ưu tiên các mô hình thí điểm dựa vào tiềm năng tác động trong việc tăng cường khả năng thích ứng, thu nhập cho nông dân và tính đa lợi ích trong giảm thiểu tác động BĐKH. Kiểm chứng các ưu tiên với chính quyền địa phương và các bên liên quan khác thông qua các hội thảo cấp tỉnh và huyện. Cuối cùng, lựa chọn từ 6 đến 12 mô hình can thiệp dành cho từ 3-4 loại hộ nông dân trong (i) Hệ thống canh tác cây công nghiệp, (ii) các giải pháp nông nghiệp sinh thái cho các cộng đồng dân tộc thiểu số, phụ nữ và (iii) hệ thống sản xuất lâm sản ngoài gỗ.													PPMU	UNDP, CIAT, IDH, UNEP	Thực hiện hoạt động điều tra, thu thập số liệu trong năm 2022
Kết quả 3	<b>Môi trường tài chính được cải thiện với các sáng kiến tăng nguồn đầu tư và cải thiện quan hệ đối tác nhằm xúc tiến chuyển đổi theo hướng canh quan bền vững, tập trung ở cấp tỉnh và huyện.</b>															
Đầu ra 3.1	<b>Dòng tài chính công và tư nhân cho sử dụng đất được hệ thống hóa và lồng ghép hỗ trợ các mục tiêu sử dụng đất bền vững và giảm thiểu biến đổi khí hậu.</b>															
3.1a	Xây dựng ToR cho hoạt động hệ thống thường trực cấp tỉnh (Đắk Nông) để theo dõi và phân tích các nguồn tài chính công-tư liên quan đến sử dụng đất bền vững và biến đổi khí hậu, dựa trên hoạt động tương tự được EFI hỗ trợ năm 2016-2017 tại Tây Nguyên. ToR sẽ làm rõ kết quả mong đợi, phương pháp, dữ liệu yêu cầu, qui trình thu thập, tiếp cận, xử lý dữ liệu một cách liên tục, cũng như các sắp xếp thể chế và các qui trình phân tích và đối thoại liên ngành. ToR sẽ cần trình UBND tỉnh Đắk Nông thông qua trước khi thiết lập hệ thống.													PPMU	EFI, UNDP	Xây dựng qui trình thu thập, tiếp cận, xử lý dữ liệu
3.1b	Xây dựng hệ thống: Thu thập dữ liệu, thông qua biểu mẫu thông tin và các qui chế chia sẻ thông tin với các cơ quan liên quan tại các cấp, thiết kế cơ sở dữ liệu, phân loại thông tin thống nhất với các nội dung Kết quả 1; xây dựng cẩm nang vận hành và đào tạo các chuyên gia cấp tỉnh để vận hành và quản lý hệ thống. Đóng góp dữ liệu liên quan cho Hệ thống giám sát đánh giá tổng thể tiến độ dịch chuyển theo hướng canh quan bền vững (Đầu ra 1.2). Tiến hành giám sát hệ thống hàng năm và phân tích các nguồn tài chính. Trích xuất từ hệ thống Báo cáo hàng năm với các phát hiện và khuyến nghị.													PPMU	EFI, UNDP	Xây dựng được các biểu mẫu

Đầu ra 3.4	Các sáng kiến Chi trả dịch vụ môi trường rừng hiệu quả và mang tính đột phá được nghiên cứu, thử nghiệm và triển khai ở 2 huyện thí điểm nhằm tạo ra nguồn tài chính bổ sung và tăng cường các lợi ích môi trường và xã hội.																				
3.4a	Rà soát các cách thức và cơ hội để mở rộng và cải thiện Chi trả dịch vụ môi trường rừng, với cách tiếp cận chiến lược hơn trong việc sử dụng Chi trả dịch vụ môi trường rừng (ít nhất là phần doanh thu tăng thêm của Chi trả dịch vụ môi trường rừng) như một công cụ đồng tài trợ để thúc đẩy phát triển các chuỗi ngành hàng nông nghiệp và lâm nghiệp bền vững và có lợi nhuận Hoạt động này cần sự chấp thuận của VNFF và UBND tỉnh thí điểm; rà soát các phân tích, quyết định và các mô hình đã thí điểm, hỗ trợ đối thoại phối hợp giữa các bên liên quan (bao gồm Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường...) ở cấp trung ương và cấp tỉnh; và có thể soạn thảo và thông qua cơ chế thử nghiệm ở các huyện thí điểm hoặc nhân rộng ở cấp cao hơn.																	PPMU	UNDP, Bộ NN&PTNT (TCLN)	Xây dựng TOR và tuyển chuyên gia thực hiện	
Kết quả 4	Tính bền vững và khả năng nhận rộng của dự án được đảm bảo thông qua nỗ lực điều phối, giám sát đánh giá, tài liệu hóa và chia sẻ kiến thức, truyền thông và vận động chính sách cấp vùng và cấp quốc gia																				
Đầu ra 4.1	Dự án được thực hiện có hiệu quả, đảm bảo các tiêu chuẩn an toàn và đạt được các mục tiêu nhờ năng lực mạnh mẽ trong điều phối, hỗ trợ, giám sát và đánh giá hoạt động và hiệu quả dự án (có chú trọng yếu tố giới) ở cấp trung ương và cấp tỉnh, với sự tham gia của các thể chế phù hợp																				
4.1a	Trang thiết bị (từ nguồn vốn ODA); Vốn đối ứng (sử dụng để chi trả cho hoạt động của Ban quản lý Dự án UNDP - tỉnh Đắk Nông; đã bố trí nguồn kinh phí này tại Quyết định số 2222/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND tỉnh về việc giao dự toán Nhà nước năm 2022).																		PPMU	UNDP, Bộ NN&PTNT (TCLN, Cục Trồng trọt)	Cần có chỉ số đánh giá cụ thể
4.1b	Thiết lập và điều phối các cơ quan liên quan, các công cụ và vận hành đảm bảo điều phối hiệu quả, theo dõi, giám sát và đánh giá dự án, bao gồm việc thành lập các cơ quan điều phối chính và hỗ trợ hoạt động của họ, hỗ trợ trực tiếp cho Văn phòng Ban Chỉ đạo Chương trình phát triển Lâm nghiệp bền vững (SSCO REDD+).																		PPMU	UNDP, Bộ NN&PTNT (TCLN)	Phối hợp BQL Dự án Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức hội thảo cuối năm

4.1c	<p>Thúc đẩy lồng ghép tiến trình chuyển dịch theo hướng bền vững ở các địa bàn phù hợp với khung Đảm bảo An toàn (ĐBAT) trong REDD+ Việt Nam, hướng đến các kết quả môi trường và xã hội bền vững lâu dài. Hoạt động này gồm các công việc: i) Điều phối với Hoạt động 1.1b và 1.1c đảm bảo phương pháp và kế hoạch thực hiện qui hoạch sử dụng đất phù hợp với cách tiếp cận trong Khung ĐBAT (VD: có đánh giá tác động tiềm năng, lợi ích, rủi ro...); ii) Rà soát các tiêu chuẩn ngành hàng cao su và cà phê (1.4a) để xác định nội dung liên quan đến giải quyết và tôn trọng các biện pháp đảm bảo an toàn; iii) Xây dựng năng lực cho cấp huyện và tỉnh trong việc vận hành thí điểm hướng dẫn ở các tỉnh khác; iv) Điều phối với Khung giám sát đánh giá chung cho tiến trình chuyển dịch theo hướng cảnh quan bền vững (1.2), với việc xác định các thông tin/chi số liên quan ĐBAT trong khung chung và các hệ thống giám sát đánh giá liên quan; v) Cải thiện Hệ thống Thông tin ĐBAT Giai đoạn 1 của Việt Nam để lồng ghép thông tin từ sáng kiến không gây mất rừng.</p>													PPMU	<p>UNEP, UNDP, Bộ NN&amp;PTNT (TCLN)</p>	<p>Phối hợp BQL Dự án Bộ Nông nghiệp và PTNT, Lâm Đồng và UNDP, các bên liên quan thúc đẩy, điều phối các hoạt động Dự án một cách đồng bộ</p>
------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	------	--	--

2